Phẩm 14 (Kinh số 172 - 181)

Kinh Trung A-Hàm (Viện CĐPH Hải Đức - VNC PHVN, 2022)

172. KINH TÂM Tôi nghe như vày: Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, ở trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Co Độc. Bấy giờ, có một vị Tỳ-kheo sống một mình ở nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi ý niệm: "Cái gì dẫn thế gian di, cái gì nhiễm trước, cái gì khởi tự tại?" Bấy giờ, vào lúc xế trưa, thầy Tỳ-kheo ấy từ thiền tọa đứng dậy, đi đến đức Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi xuống một bên và bạch: Bạch Thế Tôn, hôm nay con sống một mình ở nơi yên tinh, thiền tọa tư duy, tâm khởi ý niệm: "Cái gì dẫn thế gian đi, cái gì nhiễm trước, cái gì khởi tự tai?" Đức Thế Tôn nghe xong khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện, đó là quán trí hiền thiện, đó là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng: "Cái gì dẫn thế gian di, cái gì nhiễm trước, cái gì khởi tự i?" Này Tỳ-kheo, nghi vấn của thầy có phải vậy chăng? Thầy Tỳ-kheo đáp: -Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đức The Ton noi: Này Tỳ-kheo, tâm dẫn thế gian đi, tâm nhiễm trước, tâm khởi tự tại. Này Tỳ-kheo, chính nó dẫn thế gian di, chính nó nhiễm trước và cũng chính nó khởi tự tại. Này Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không để tâm dẫn đi, không để tâm nhiễm trước, không để tâm khởi tự tại. Này Tỳ-kheo, đa văn Thánh đệ tử không tùy tâm tự tại mà tâm tùy theo đa văn Thánh đệ tử. Thầy Tỳ-kheo bạch: -Lành thay! Lành thay! Bạch Thế Tôn, con đã thấu hiểu. Thầy Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi tiếp: Bạch Thế Tôn, đa văn Tỳ-kheo? được gọi là đa văn Tỳ-kheo. Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là đa văn Tỳ-kheo? Thế nào để được tuyên bố là đa văn Tỳ-kheo?

990 • KINH TRƯNG A-HÀM

Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi: -Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện, đó là quán trí hiền thiện, đó là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng:Bạch Thế Tôn, đa văn Tỳ-kheo; được gọi là đa văn Tỳ-kheo. Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là đa văn Tỳ-kheo? Thế nào để được tuyên bố là đa văn Ty-kheo?99 Này Tỳ-kheo, nghi vân của thây có phải vậy chăng? Thầy Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đức The Ton noi: Này Tỳ-kheo, những điều được Ta thuyết giảng rất nhiều: Chánh kinh, Ca vinh, Ký thuyết, Kệ-tha? Nhân duyên, Soạn lục, Bản khởi, Thử thuyết, Sanh • A r : v r

xứ, Quảng giải, Vi tăng hữu pháp và Thuyêt nghĩa. Này Tỳ-kheo, nêu có thiện nam tử chỉ nghe Ta nói bốn câu kệ biết nghĩa, biết pháp, tùy pháp, hành pháp, thuận theo Phạm hạnh; thì này Tỳ-kheo, nói đa văn Tỳ-kheo là chỉ nói như vậy, chứ không hơn nữa. Này Tỳ-kheo, như vậy là đa văn Tỳ-kheo. Như Lai tuyên bố như vậy là đa văn Tỳ-kheo. Thầy Tỳ-kheo bạch: -Lành thay! Lành thay! Bạch Thế Tôn, đúng như vậy! Thây Tỳ-kheo ây, sau khi nghe Phật thuyêt giảng, hoan hỷ phụng hành, roi lại hỏi tiếp: Bạch Thế Tôn, đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh dạt, được gọi là đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt. Bạch Thế Tôn, thế nào gọi là đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt? Thế nào để được tuyên bố là đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt? Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo, đó là con đường hiền thiện, đó là quán trí

hiền thiện, đó là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng: "Bạch Thế Tôn, đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt, được gọi là đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt. Bạch Thế Tôn, thế nào là đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt? Thế nào để được tuyên bố đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh dạt?" Này Tỳ-kheo, nghi vấn của thầy có phải vậy chăng? Thầy Tỳ-kheo đáp: —Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đức Thê Tôn noi: -Này Tỳ-kheo, nếu Tỳ"kheo nghe rằng "Đây là kh6", tức thì với trí tuệ mà chân chánh thấy khổ đúng như thật; nghe "khổ táp""khổ diet", ukhổ diệt dạo", tức thì với trí tuệ mà chân chánh thấy tập, diệt, đạo đúng như thật. Này Tỳ-kheo, như vậy là đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt. Như Lai tuyên bố, như vậy là đa văn Tỳ-kheo có trí tuệ minh đạt.

172. KINH TÂM 991

Thầy Tỳ-kheo bạch: -Lành thay! Lành thay! Bạch Thế Tôn, đúng như vậy! Thầy Tỳ-kheo sau khi nghe Phật thuyết giảng, hoan hỷ phụng hành, rồi lại hỏi tiếp: —Bạch Thế Tôn, thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng hiiệ5 được gọi là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ. Bạch Thế Tôn, thế nào là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ? Thế nào để được tuyên bố là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ? Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Này Tỳ-kheo? đó là con đường hiền thiện, đó là quán trí hiền thiện, đó là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng: "Bạch Thế Tôn, thế nào là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ? Thế nào để được tuyên bố là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng hue?" Này Tỳ-kheo, nghi vấn của thầy có phải vậy chăng? Thầy Tỳ-kheo đáp: - Bạch Thế Tôn, đúng vậy! Đức The Ton noi: -Nếu Tỳ-kheo không có niệm tự hại, không có niệm hại người, cũng không có niệm hại cả hai; Tỳ-kheo chỉ có niệm làm lợi ích cho tự thân và lợi ích cho người, lợi ích cho mọi người, thương xót the gian, mong muốn cho trời, người được lợi ích, phước lành, được an ổn, khoái lạc. Này Tỳ-kheo, như vậy là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ. Như Lai tuyên bố, như vậy là thông minh Tỳ-kheo có hiệt huệ, quảng huệ. Thầy Tỳ-kheo bạch: -Lành thay! Lành thay! Bạch Thế Tôn, đúng như vậy! Thầy Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, khéo tụng tập, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Lúc bấy giờ, thầy Tỳ-kheo ấy lãnh thọ lời dạy của đức Thế Tôn, sống một mình ở nơi yên tĩnh, xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần. Thầy Tỳ- kheo ấy sống một mình ở nơi xa vắng, tâm không phóng dật, tu hành tinh cần để đạt đến mục đích mà một thiện nam tử, cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia dinh, sống không gia đình, học đạo là chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự tác chứng, thành tựu an trú, biết như thật sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điêu cân làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa. Vi Tôn giả ây đã biêt pháp roi cho đên chứng quả A-la-hán. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

173. KINH PHÙ-DI Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại thành Vương Xá, ở trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa. Bấy giờ, Tôn giả Phù-di cũng ở tại thành Vương Xá, trong thiền thất Vô Sự. Lúc bấy giờ, khi đêm đã qua, vào lúc sáng sớm, Tôn giả Phù-di khoác y, ôm bát vào thành Vương Xá khất thực. Tôn giả Phù-di suy nghĩ rằng:

"Hãy khoan vào thành Vương Xá khất thực, ta nên đến nhà Vương tử Kỳ-đà-bà-tiên- na Đồng tử.” Rồi Tôn giả Phù-di đi đến nhà Vương tử Kỳ-đà-bà-tiên-na Đồng tử. Vương tử Kỳ-đà-bà-tiên-na Đồng tử từ xa trông thấy Tôn giả Phù-di đến, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo, chắp tay hướng về Tôn giả Phù-di và nói như vầy: Kính chào Tôn giả Phù-di. Tôn giả Phù-di từ lâu không đến đây. Xin mời ngồi trên giường này! Tôn giả Phù-di ngồi xuống. Vương tử Kỳ-đà-bà-tiên-na Đồng tử cúi đầu đảnh lễ sát chân Tôn giả Phù-di, rồi ngồi sang một bên và thưa: Thưa Tôn giả Phù-di, tôi có điều muốn hỏi, mong ngài nghe cho chăng?

Tôn giả Phù-di đáp: Này Vương Đông tử, muôn hỏi điêu gì xin tùy ý! Tôi nghe roi sẽ suy nghĩ. Vương Đồng tử liền hỏi: Thưa Tôn giả Phù-di, có Sa-môn, Phạm chí đi đến chỗ tôi và nói với tôi rằng: "Này Vương Đồng tử, người nào có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì người ây chác chăn sẽ chứng quả. Nêu người nào không có r • v" ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chăng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì người ấy chắc chắn sẽ chứng quả?9 Đang Tôn sư của Tôn giả Phù-di có ý gì, có lập thuyết gì chăng? Tôn giả Phù-di nói: - Này Vương Đồng tử, tôi chưa được đích thân nghe đức Thế Ton nói, cũng chưa được nghe các vị Phạm hạnh nói lại; nhưng này Vương Đồng tử, có thể đức Thế Tôn đã nói như vầy: "Người nào có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì người ây chác chăn sẽ chứng quả. Nêu người nào

không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc 7 7

chăng phải có ước nguyện chăng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì người ấy chắc chắn sẽ chứng quả?9 Vương Đồng tử thưa: -Nếu đấng Tôn sư của Tôn giả Phù-di có ý như vậy, lập thuyết như vậy thì r r ở giữa chư Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn5 Phạm chí, từ người đên trời trong thê gian này, Ngài quả là bậc Tôi Thượng. Thưa Tôn giả Phíbdi, xin mời ngài thọ trai tại đây luôn. Tôn giả Phù-di im lăng nhận lời. Sau khi biết Tôn giả Phù-di đã nhận lời roi, Vương Đông tử liên từ chô ngôi đứng dậy, tự tay múc nước rửa, tự tay bưng hầu các thức ăn ngon, sạch, mỹ diệu với đủ loại nhai, thức nuốt, tự tay hầu hạ khiên Tôn giả thọ dụng no đủ. Khi Tôn giả ăn xong, Vương Đông tử thu dọn chén bát, múc nước rửa, roi lây một cái giường nhỏ ngôi riêng một bên đê nghe pháp. Tôn giả Phù-di thuyết pháp cho Vương Đồng tử nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho Vương Đồng tử nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng dậy ra về, đến chỗ đức Phật cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, rồi ngồi sang một bên và đem những điều đã bàn luận với Vương Đồng tử thuật lại hết với đức Phật. Đức Thế Tôn nghe xong, nói: - Này Phù-di, sao thầy không đem bốn ví dụ nói cho Vương Đồng tử rõ? Tôn giả Phù-di hỏi: Bạch Thế Tôn, bốn ví dụ ấy là những gì?

Đức The Ton nói: Này Phù-di, nêu có Sa-môn9 Phạm chí có tà kiên, định tà kiên; người ây có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu họ không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ỉ r 7

ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chác chăn không thê chứng quả. Vì sao? Vì tìm cau quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lối. Này Phù-di, ví như có người muốn lấy sữa mà lại vắt nơi sừng bò thì chắc chắn không lấy được sữa. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện 9 7

vừa không có ước nguyện, hoặc chăng phải có ước nguyện chăng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn lấy sữa mà lại vắt nơi sừng bò thì chắc chắn không lấy được sữa. Vì sao vậy? Vì tìm cầu sữa một cách tà vạy, tức là vắt nơi sừng bò vậy. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có tà kiến, định tà kiên; người ây có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy nên chắc chan không the chứng quả. Nêu người không có ước nguyện, hoặc vừa có 9 7

ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chăng phải có ước nguyện chăng

phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao vậy? Vì tìm cầu quả vi một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lối. Này Phù-di, nêu có Sa-môn? Phạm chí có chánh kiên, định chánh kiên; người ấy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chan sẽ chứng quả. Nêu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì người ấy chắc chắn sẽ chứnẹ quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, nghĩa là đúng đường lôi. Này Phti-di, ví như có người muôn lây sữa, cho trâu ăn no nê roi vát nơi vú nó thì chắc chắn lấy được sữa. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện muốn lây sữa, cho trâu ăn no nê rồi vắt nơi vú nó thì chắc chắn lấy được sữa. Vì sao? Vì tìm cầu sữa một cách chân chánh, nghĩa là vắt nơi vú trâu. Cũng vậy, này Phù-di9 nếu có Sa-môn? Phạm chí có chánh kiến, định chánh kiến; người ấy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chăc chắn sẽ chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vi một cách chân chánh, nghĩa là đúng đường lối. Này Phù-di9 nếu có Sa-môn, Phạm chí có tà kiến, đinh tà kiến; người ấy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lối. Này Phù-di, ví như có người muốn có tô, bèn lấy một

bình đựng đầy nước lã, rồi khuấy đều lên thì chắc chắn không thể có tô. Dù không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, nếu người ấy muốn có tô, bèn lấy một bình đựng đầy nước lã rồi khuấy đều lên thì chắc chắn không thể có tô. Vì sao? Vì tìm cầu tô một cách tà vạy, nghĩa là khuấy nước lã. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sam6n, Phạm chí có tà kiến, định tà kiến; người ấy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu người khôiiệ có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chăng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lôi. Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có chánh kiến, đinh chánh kiến; người ẩy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn

sẽ chứng quả. Nấu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì người ấy chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, nghĩa là đúng đường lối. Này Phù-di, ví như có người muốn có tô, lấy một bình đựng đầy lạc, roi khuấy đều lên thì chắc chăn được tô. Dù người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện muốn có tô, lấy một bình đựng đầy lạc rồi khuấy đều lên thì chắc chắn được tô. Vì sao? Vì tìm cầu tô một cách chân chánh, nghĩa là khuấy lạc. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn5 Phạm chí có chánh kiến, đinh chánh kiến; người ấy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chác chăn sẽ chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vi một cách chân chánh, nghĩa là đúng đường lối. Này Phù-di? nếu có Sa-môn, Phạm chí có tà kiến, định tà kiến; người ấy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chan không the chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lối. Này Phù-di, ví như có người muốn có dầu, đổ đầy cát vào đồ ép, rưới nước lạnh cho rỉ thấm qua, roi ép xuông thì chác chăn không có được dâu. Dù người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện muốn có dầu lại đổ đầy cát vào đồ 6p, rưới nước lạnh cho rỉ thấm qua rồi ép xuống thì chắc chắn không có được dàu. Vì sao? Vì tìm cầu dầu một cách tà vạy, nghĩa là ép cát. Cũng vậy, này Phù- di, nêu có Sa-môn? Phạm chí có tà kiên, định tà kiên; người ây có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu người khônẹ có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một

cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường loi. Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có chánh kiến, định chánh kiến; người ấy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chan sẽ chứng quả. Nấu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì người ấy chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, nghĩa là đúng đường lối. Này Phíi-di, ví như có người muốn có dầu, đổ đầy hạt mè vào đồ ép,

rưới nước sôi cho ri thâm qua roi ép xuồng thì chác chăn có được dâu. Dù người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, muốn có dầu, đổ đầy hạt mè vào đồ ép, rưới nước sôi cho rỉ thấm qua rồi ép xuống thì chắc chắn có được dầu. Vì sao? Vì tìm cầu dầu một cách chân chánh, nghĩa là ép hạt mè. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có chánh kiến, định chánh kiến; người ấy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chác chăn sẽ chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, nghĩa là đúng đường lối. Này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có tà kiến, định tà kiến; người ấy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không the chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lối. Này Phíi-di, ví như có n^ười muốn có lửa, bèn lấy củi ướt làm mồi lửa, dùng dùi ướt làm dùi thì chác chăn không có được lửa. Dù người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện muốn có lửa mà lấy củi ướt làm mồi lửa, dùng dùi ướt mà dùi thì chắc chan không có được lửa. Vì sao? Vì tìm cầu lửa một cách tà vạy, nghĩa là dùng củi ướt. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có Sa-môn, Phạm chí có tà kiên, đinh tà kiên; người ây có ước nguyện, nhưng tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chan không the chứng quả. Nêu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách tà vạy thì chắc chắn không thể chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách tà vạy, nghĩa là không đúng đường lôi. Này Phù-di5 nếu có Sa-môn, Phạm chí có chánh kiến, đinh chánh kiến; người ẩy có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Nếu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì người ấy chắc chắn sẽ chứnệ quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, nghĩa là đúng đường lôi. Này Phù-di9 ví như có người muốn có lửa, bèn lấy củi khô làm mồi lửa, dùng củi khô mà dùi thì chắc chắn có được

lửa. Dù người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nẹuyện muốn có lửa, lấy củi khô làm mồi lửa, dùng củi khô mà dùi thì chắc chăn có được lửa. Vì sao? Vì tìm cầu lửa một cách chân chánh, nghĩa là dùng củi khô. Cũng vậy, này Phù-di, nếu có

Sa-môn, Phạm chí có chánh kiên, định chánh kiên; người ây có ước nguyện, tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chăc chăn sẽ chứng quả. Nêu người không có ước nguyện, hoặc vừa có ước nguyện vừa không có ước nguyện, hoặc chẳng phải có ước nguyện chẳng phải không có ước nguyện tu hành Phạm hạnh một cách chân chánh thì chắc chắn sẽ chứng quả. Vì sao? Vì tìm cầu quả vị một cách chân chánh, nghĩa là đúng đường lối. Này Phù-di, nêu thây nói cho Vương Đông tử nghe bôn ví dụ này; Vương Đồng tử nghe xong, chắc chắn sẽ rất hoan hỷ, cúng dường thầy suốt đời như áo chăn, uống ăn5 ngọa cụ5 thuốc thang và đủ các thứ nhu dụng khác cho đời sống. Tôn giả Phù-di thưa: —Bạch Thế Tôn, trước đây con chưa từng được nghe bốn ví dụ này thì lấy đâu để nói lại? Duy chỉ hôm nay mới được nghe Thế Tôn nói mà thôi. Đức Phật thuyêt giảng như vậy, Tôn giả Phù-di và các Tỳ"kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

174. KINH THỌ PHÁP (A) Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật ở nước Xá-vệ? trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Thế gian thật sự có bốn loại thọ pháp. Những gì là bốn? Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo khổ; hoặc thọ pháp hiện tại khổ, tương lai thọ quả báo lạc; hoặc thọ pháp hiện tại khổ, tương lai cũng thọ quả báo khổ; hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc. Thê nào là thọ pháp hiện tại lạc, tương lai thọ quả báo khô? Hoặc có Sa- m6n, Bà-la-môn? Phạm chí ham thích vui đùa cùng với người con gái đẹp và tuyên bố: uSa-môn, Phạm chí này, đối với dục, thấy có những sợ hãi và những tai họa nào trong tương lai mà phải đoạn trừ dục và bày ra phương pháp đoạn dục? Vẻ đẹp đáng ham thích kia trên thân thể của người nữ, xúc tiếp thật là vui sướng, sờ mó thật là vui sướng!59 Vi ấy cùng với người nữ này cùng nhau vui đùa, du hy trong đó. Người ấy thọ pháp lạc đó đã thành tựu đầy đủ5 khi thân hoại mạng chung, thẳng đến chỗ ác, sanh trong địa ngục, mới dấy lên ý nghĩ như vây: "Sam6n, Phạm chí kia, đôi với dục, thây những sợ hãi và những tai họa này trong tương lai, cho nên mới đoạn dục và bày ra phương pháp đoạn dục. Chúng ta nhân bởi dục, tranh luận vì dục, duyên nơi dục, cho nên mới lãnh Sự khô cùng cực như vậy, sự khô trọng đại như vay.^ Cũng như vào tháng cuôi mùa xuân, ban ngày rất nóng, hạt giống của dây leo tên là Chích bì bình rớt xuông góc cây sa-la. Bây giờ, thân cây sa-la nhân đó sanh ra sợ sệt. Bây giờ, các vị thần cây chung quanh nương nơi trăm thứ cây lúa, cây cỏ, vốn là bà con, bằng hữu của thần cây kia, đối với hạt giống, vì thấy tương lai có sự sợ hãi, có đủ tai họa như vậy, liền đi đến chỗ thần cây mà an ủi rằng: "Thần cây chớ sợ. Thân cây chớ sợ. Hạt giông này đây hoặc là bi nai ăn, hoặc chim không tước ăn, hoặc bi gió thổi di, hoặc bị lửa xóm đốt di, hoặc lửa đồng thiêu, hoặc bị hư hoại, chẳng thành hạt giống. Như vậy, này thần cây, ông được an ổn.,, Nhưng hạt giông này không bi nai ăn, chim không tước ăn, gió thôi di,

lửa xóm đót, không bị lửa đồng thiêu, cũng không bi hư hoại thì không phải chẳng thành hạt giống. Hạt giống này chẳng khuyết, chẳng sâu, không bi vỡ, không bị mưa, gió, nắng làm tôn thương, lại gặp mưa lớn tưới ướt, liên nảy sanh nhanh chóng. Thân cây kia liền suy nghĩ như vầy: "Vi những lý do gì mà các thần cây chung quanh nương nơi trăm thứ lúa cỏ, trăm thứ cây thuôc, vôn là thân băng quyên thuộc

và bằng hữu, đối với hạt giống, thấy tương lai có sự sợ hãi nào, tai họa gì, lại sang an ủi ta và nói: 'Thân cây chớ sợ. Thân cây chớ sợ. Này thân cây, hạt giông này hoặc bi nai ăn, hoặc bị chim khổng tước ăn, hoặc bị gió thổi di, hoặc bi lửa xóm thiêu, lửa đồng thiêu, hoặc bị hư hoại, chẳng thành hạt giống. Như vậy, này thần cây, ông được an ổn/ Nhimg hạt giống này không bị nai ăn, không bi chim khổng tước ăn? không bị gió thổi đi, không bị lửa xóm thiêu, không bi lửa đồng đốt, cũng không bi hư hoại không thành hạt giống. Hạt giống này chẳng khuyết, chẳng sâu, không bi vỡ, chẳng bị mưa, gió, nắng làm tổn thương, lại gặp mưa lớn tưới ướt liên nảy mâm nhanh chóng, thành thân cây, cành lá mem mại, thành đốt, sờ đến thích thú. Thân, cành, lá mềm mại, thành đốt này sờ đến thích thú, xúc chạm vui sướng.,, Nhờ duyên này, cây thành cành lá to lớn, quấn lấy thân kia, che phủ ở trên. Sau khi bị che phủ ở trên rồi, vi thần cây kia mới suy nghĩ như vầy: "Các thần cây chung quanh kia, nương nơi trăm thứ lúa cỏ, trăm thứ cây thuốc; các thần cây thân quyến, bằng hữu đối với hạt giốnệ này, thấy trong tương lai có sự sợ hãi và tai họa này mà đên an ủi ta răng: 'Thân cây chớ sợ. Thân cây chớ sợ. Hạt giống này hoặc bị nai ăn, hoặc bị chim khổng tước ăn, hoặc bi gió thổi di, hoặc lửa xóm thiêu, hoặc lửa đồnẹ đốt, hoặc hư hại chăng thành hạt giống. Như vậy, này thần cây, ông được an ôn/ Nhưng hạt giông này không bi nai ăn, không bị chim khổnệ tước ăn, không bị gió thổi đi, không bị lửa xóm thiêu, không bị lửa đồng đót, cũng không bi hư hoại chăng thành hạt giống. Hạt giống này chẳng khuyết, chẳng sâu, cũng chẳng bị vỡ bể, không bị mưa, gió, nắng làm thương tổn, lại gặp mưa lớn tưới ướt, liền nảy sanh mầm nhanh chóng. Nhân vì hạt giống, duyên vì hạt giống mà ta chịu sự khổ cùng cực này, sự khổ trọng đại nà* Cũng vậy, hoặc có Sa-môn, Phạm chí ham thích vui đùa cùng người con gái đẹp và nói như vày: "Sa-môn, Phạm chí này đoi với dục, thay có những sợ hãi và những tai họa nào trong tương lai mà phải đoạn trừ dục, bày ra phương pháp đoạn dục? vẻ đẹp đáng ham thích kia trên thân thể của người nữ, xúc tiếp thật là vui sướng, sờ mó thật là vui sướng !,9 Vị ấy cùng với người nữ này cùng nhau vui đùa, du hy. Người đó thọ pháp lạc đã thành tựu đầy đủ, khi thân hoại mạng chung, thẳng đến chỗ ác, sanh trong địa ngục, mới dấy lên ý nghĩ như vầy: "Sa-môn, Phạm chí kia, đối với dục, thấy những sự sợ hãi và tai họa này trong tương lai, cho nên mới đoạn dục và bày ra phương pháp đoạn dục. Chúng ta nhân bởi dục, tranh luận vì dục, duyên với dục, cho nên lãnh sự khổ cùng cực như vậy, trọng đại như vay!" Đó gọi là thọ pháp hiện tại lạc mà tươrng lai chịu quả báo khổ. Sao gọi là thọ pháp hiện tại khô mà tương lai thọ quả báo lạc? Hoặc có người mà bản tánh nặng đắm dục, nặng đắm nhuế, nặng đắm si; thường tùy tâm dục mà thọ khổ, ưu, sầu; tùy tâm giận dữ, tâm si mê mà thọ khổ, ưu, sầu. Người ấy vì khổ, vì ưu, mà trọn suốt cuộc sống tu hành Phạm hạnh, cho đến

khóc lóc rơi lệ. Người kia thọ lãnh pháp này đã thành tựu đầy đủ, khi thân hoại mạng chung, tất sanh đến chỗ lành, sanh vào cõi trời. Đó là thọ pháp hiện tại kho, tương lai thọ quả báo lạc. Sao gọi là thọ pháp hiện tại khổ, tương lai cũng thọ quả báo khổ? Hoặc có Sa-môn, Phạm chí lõa hình, không y phục, hoặc lấy tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy châu báu làm y phục; hoặc không múc nước bằng bình, hoặc không múc nước bằng chén; không ăn những đồ giựt ra từ đao ệậy, không ăn đồ ăn lừa dối, không tự mình đến, không sai người đi; không đến chỗ tôn quý, không thích chỗ tôn quý, không ở chỗ tôn quý; không ăn giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà người có thai, không ăn tại nhà có nuôi chó, không ăn tại nhà có ruồi xanh bay đến, không ăn cá, không ăn thịt, không uống rượu, không uống nước dơ, không uống gì cả, học hạnh không uống; học ăn một miếng và cho một miếng là đủ, học ăn hai miếng, ba, bốn cho đến bảy miếng và cho là đủ. hoặc một lan nhận được và cho một lan nhận được là đủ, hoặc ăn một ngày một lân và cho một lân ăn là đủ, hoặc hai, ba, bôn, cho đên suôt bảy ngày, nửa tháng hay một tháng ăn một lần và cho rằng ăn một lần là đủ; hoặc ăn rau cải, hoặc ăn hạt đang, hoặc ăn gạo lứt, hoặc ăn lúa tạp huỳnh, hoặc ăn đầu-đầu-la, hoặc ăn đồ ăn của nai ăn; hoặc đến chỗ vô SỊT, nương ở chỗ vô sự; hoặc ăn rễ, hoặc ăn trái, hoặc ăn quả tự rớt xuống; hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo đầu-xá, hoặc mặc áo đầu-xá bằng lông, hoặc mặc toàn da, hoặc mặc da có xoi lỗ, hoặc mặc áo da toàn xoi lỗ; hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xõa vừa bện, hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc chỉ nhổ tóc, hoặc chỉ nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc; hoặc chỉ đứng không hề ngồi, hoặc đi chổng hông, hoặc nằm gai, lấy gai làm giường, hoặc nằm trên cỏ, lây cỏ làm giường; hoặc thờ nước, ngày đêm lấy tay vọc, hoặc thờ lửa, ngày đêm đót lên, hoặc thờ mặt trời, mặt trăneẹ, thờ đang Tôn Hựu Đại Bức, ngày đêm chắp tay hướng về. Những sự thọ kho như vậy không the lường hết, học hạnh nónệ bức. Vị ấy thọ pháp này đã thành tựu đầy đủ rồi, khi thân hoại mạng chung, tất đen chỗ ác, sanh vào địa ngục. Đó là thọ pháp hiện tại khổ, tương lai cũng thọ quả báo khổ vậy. Sao gọi là thọ pháp hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc? Hoặc có nệười bản tánh không nặng đắm dục, không nặng đắm sân nhuế, không nặng đăm ngu si. Vị ấy khôiiệ thường theo tâm dục mà thọ khô, sâu, lo; khônệ theo tâm sân nhuế mà thọ kho, sầu, lo; và không theo tâm ngu si mà thọ khổ, sau, lo. Vi ấy do lạc, do hỷ, trọn cuộc đời mình tu hành Phạm hạnh cho đến đạt được tâm hoan duyệt. Vị ấy thọ pháp này đã thành tựu đầy đủ rồi, năm hạ phần kiết sử dứt sạch thì hóa sanh ở chỗ kia mà nhập Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại cõi này. Đó là thọ pháp hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc. ỉ r r Thê gian thật sự có bôn thứ thọ pháp như vậy, do đó mà Ta giảng thuyêt. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

175. KINH THỌ PHÁP (B) Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu5 ở tại đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo: Thê gian này có ước muôn như vây, hy vọng như vây, yêu thích như vây, vui sướng như vầy và khởi ý như vầy: "Mong sao các pháp không hỷ, không ái, không xứng ý bị diệt; còn pháp hỷ, ái, xứng ý sanh ra." Họ ước muốn như vậy, hy vọng như vậy, yêu thích như vậy, vui

sướng như vậy và ý tưởng như vậy. Song, pháp chẳng hỷ, chẳng ái, chẳng xứng ý lại sanh; còn pháp có hỷ, có ái, có xứng ý lại diệt. Đó gọi là pháp ngu si. Pháp của Ta rất sâu xa, khó trông thấy, khó hiểu, khó thông đạt. Pháp của Ta sâu xa, khó thấy, khó hiểu, khó thông đạt là như vầy: Pháp không hỷ, không ái, không xứng ý bị diệt; còn pháp có hỷ, có ái, có xứng ý được sanh. Đó là pháp không ngu si. Thế gian này quả thật có bốn thứ thọ pháp. Những gì là bốn? Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ, hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc, hoặc có thọ pháp hiện tại kho mà tương lai cũng thọ quả báo khổ, hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc. Thế nào là thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai chịu quả báo khổ? Hoặc có người tự mình vui sướng, tự mình vui thích trong việc sát sanh, do nhân sát sanh mà sanh lạc, sanh hỷ. Người đó tự mình vui thích trong việc trộm cắp, tự mình vui thích trong việc tà dâm, nói láo cho đến tà kiến; nhân nơi tà kiến mà sanh lạc, sanh hỷ. Như vậy, thân lạc, tâm lạc; bất thiện từ bất thiện mà sanh ra, không đi đến trí, không đi đến giác ngộ, không đi đến Niết-bàn. Đó là thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai chịu quả báo khô. Sao gọi là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc? Hoặc có người tự mình khổ, tự mình ưu trong việc đoạn trừ sát sanh; do sự đoạn trừ sát sanh mà sanh khổ, sanh mi. Người đó tự khổ, tự ưu trong việc đoạn trừ trộm cắp, tà dâm, nói láo cho đến đoạn trừ tà kiến; do đoạn trừ tà kiến mà sanh khổ, sanh ưu. Như vậy, thân khổ, tâm khổ; thiện từ thiện mà sanh, đi đến trí, đi đến giác, đi đến Niết-bàn. Đó là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Sao gọi là thọ pháp hiện tại khô mà tương lai cũng thọ quả báo khô? Hoặc có người tự khổ, tự ưu trong việc sát sanh; do sát sanh mà sanh khổ, sanh ưu. Người đó tự khô, tự ưu trong việc trộm cap, tà dâm, nói láo cho đên tà kiên; do tà kiến mà sanh khổ, sanh ưu. Như vậy, thân khổ, tâm khổ; bất thiện từ bất thiện

mà sanh, không dẫn đến trí, không dẫn đến giác, không dẫn đến Niết-bàn. Đó gọi là thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai cũng phải thọ lấy quả báo khổ. Sao gọi là thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc? Hoặc có người tự mình vui sướng, tự mình vui thích trong việc đoạn trừ sát sanh; do đoạn trừ sát sanh mà sanh lạc, sanh hỷ. Người ấy tự mình vui sướng, tự mình : r r jF

vui thích trong việc đoạn trừ trộm cap, tà dâm, nói láo cho đên đoạn trừ tà kiên; do đoạn trừ tà kiến cho nên sanh lạc, sanh hỷ. Như vậy, thân lạc, tâm lạc; thiện tư thiện mà sanh, dẫn đến trí, dẫn đến giác, dẫn đến Niết-bàn. Như thế gọi là thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc. Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ. Nhưng người kia do ngu si, chẳng biết như thật rằng thọ pháp ấy hiện tại lạc nhưng tương lai chịu lấy khổ báo. Khi không biết như thật nên tập hành chứ không đoạn trừ. Do tập hành, không đoạn trừ, pháp không hỷ, không ái, không xứng ý sanh; pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý diệt. Cũng như vi thuôc A-ma-ni, một phân có sác đẹp và mùi thơm nhưng có trộn chất độc; hoặc có người bị bệnh nên uống; khi uống thì sắc đẹp và hương vi ngon miệng mà không tổn hại cổ họng, nhưng khi uống xong, vào trong bụng roi lại chăng thành thuôc. Như vậy là thọ pháp này hiện tại lạc mà tương lai

phải chịu quả báo khổ. Người kia ngu si không biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại lạc mà tương lai phải chiu quả báo kho. Khi đã không biết như thật, liền tập hành, không đoạn trừ. Do tập hành, không đoạn trừ, pháp không hỷ, không ái, không xứng ý sanh; pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý diệt. Đó gọi là pháp ngu si. Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Nhưng người kia ngu si, không biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai sẽ được quả báo lạc. Khi đã không biết như thật, người kia liền không tập hành mà đoạn trừ; không tập hành mà đoạn trừ, pháp không hỷ, không ái, không xứng ý sanh; pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý diệt. Đó gọi là pháp ngu si. Hoặc có thọ pháp hiện tại khô mà tương lai cũng chịu quả báo khô. Nhimg người kia ngu si, không biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại kho mà tương lai cũng chịu quả báo khổ. Khi đã không biết như thật, người kia liền tập hành, không đoạn trừ. Khi đã tập hành, không đoạn trừ, pháp không hỷ9 không ái, không xứng ý sanh; pháp ái, pháp hỷ, pháp xứng ý diệt. Cũng như đại tiểu tiện lại trộn lẫn độc; hoặc có người bị bệnh cho nên uống; khi uống thì nhơ nhớp, hôi thúi, không có mùi vị, không ngon miệng, mà lại tổn thương cuống họng, uông vào trong bụng lại chăng thành thuôc. Như vậy, thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai cũng chịu quả báo khổ. Người kia ngu si, không biết như thật rang thọ pháp này hiện tại kho, tương lai cũng chiu quả báo kho. Khi đã không biết như thật, bèn tập hành, không đoạn trừ. Do tập hành, không đoạn trừ, pháp không hỷ, không ái, không xứng ý sanh; pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý diệt. Đó gọi là pháp ngu si.

175. KINH THỌ PHÁP (B) 1005

Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc. Nhung người kia ngu si, không biết như thật rang thọ pháp này hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ báo lạc. Khi đã không biết như thật nên người kia không tập hành mà đoạn trừ. Do không tập hành mà đoạn trừ, pháp không hỷ, không ái, không xứng ý sanh; pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý diệt. Đó gọi là pháp ngu si. Người kia không biết như thật pháp nào nên tập hành, không biết như thật pháp nào không nên tập hành. Do không biết như thật pháp nào nên tập hành và không biết như thật pháp nào không nên tập hành nên pháp không nên tập hành lại tập hành, pháp nên tập hành lại không tập hành. Do tập hành pháp không nên tập hành và không tập hành pháp nên tập hành, pháp không hỷ, không ái, không xứng ý sanh; pháp có hỷ, có ái, xứng ý diệt. Đó gọi là pháp ngu si. Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo khổ. Người có trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại lạc mà tương lai thọ quả báo kho. Khi đã biết như thật nên vị ấy không tập hành nhưng đoạn trừ. Do không tập hành nhimg đoạn trừ, pháp có hỷ, có ái9 có xứng ý sanh; pháp không hỷ, không ái, không xứng ý diệt. Đó gọi là pháp tuệ. Hoặc có thọ pháp hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Người có trí tuệ biêt như thật răng thọ pháp này hiện tại khô nhưng tương lai thọ quả báo lạc. Khi đã biết như thật, vị ấy tập hành chứ không đoạn trừ. Do tập hành chứ không đoạn trừ, pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý sanh; pháp không hỷ, không ái, không xứng ý diệt. Cũng như đại tiêu tiện có hòa với nhiêu thứ thuôc; hoặc có người bi bệnh uống; khi uống sắc xấu, hôi thúi, không mùi vị, không ngon miệng mà lại hại cho cuống họng, nhxmg uống vào trong bụng lại thành thuốc. Như vậy, thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai thọ quả

báo lạc. Người trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại khổ mà tương lai thọ quả báo lạc. Do biết như thật, vị ấy tập hành chứ không đoạn trừ. Do tập hành chứ không đoạn trừ, pháp hy, pháp ái, pháp xứng ý sanh; pháp không hỷ, không ái, không xứng ý diệt. Đó gọi là pháp tuệ. Hoặc có thọ pháp hiện tại khô mà tương lai cũng thọ quả báo khô. Người có trí tuệ biêt như thật răng thọ pháp này hiện tại khô mà tương lai cũng thọ quả báo khổ. Khi đã biết như thật, vị ấy không tập hành nhtrng đoạn trừ. Do không tập hành nhtmg đoạn trừ, pháp có hỷ, có ái, có xứng ý sanh; pháp không hỷ, không ái, không xứng ý diệt. Đó gọi là pháp tuệ. Hoặc có thọ pháp hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc. Người trí tuệ biết như thật rằng thọ pháp này hiện tại lạc, tương lai cũng thọ quả báo lạc. Khi đã biết như thật, vị ấy tập hành chứ không đoạn trừ. Do tập hành chứ không đoạn trừ, pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý sanh; pháp không hỷ, không ái, không xứng ý diệt. Cũng như tô mật hòa với nhiều thứ thuốc; hoặc có người bị bệnh nên uống; khi uống có sắc đẹp, có hương, có vị, ngon miệng mà không tổn thương cuống họng, uống vào bụng lại thành thuốc. Như vậy, thọ pháp này hiện

tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc. Người trí tuệ biêt một cách như thật rằng thọ pháp này hiện tại lạc mà tương lai cũng thọ quả báo lạc. Khi đã biết như thật, vi ấy tập hành chứ không đoạn trừ. Do tập hành chứ không đoạn trừ, pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý sanh; pháp không hy, không ái, không xứng ý diệt. Đó gọi là pháp tuệ. Người đó biết như thật rằng đây là pháp nên tập hành, biết như thật rằng đây là pháp không nên tập hành. Khi biết như thật pháp nào nên tập hành và pháp nào không nên tập hành, vị ấy tập hành pháp nên tập hành, không tập hành pháp không nên tập hành. Do tập hành pháp nên tập hành và không tập hành pháp không nên tập hành, pháp hỷ, pháp ái, pháp xứng ý sanh; pháp không hỷ, không ái, không xứng ý diệt. Đó gọi là pháp tuệ. Thế gian quả thật có bốn thọ pháp ấy, vì vậy mà Ta giảng thuyết. Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

176. KINH HÀNH THIỀN Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. LÚC bây giơ, Thê Tôn bao các thay Tỳ-kheo: Trong thế gian quả thật có bốn loại người hành thiền. Những gì là bốn? Hoặc có người hành thiền xí thạnh mà gọi là suy thoái, hoặc có người hành thiền suy thoái mà gọi là xí thạnh, hoặc có người hành thiền suy thoái thì biết như thật là suy thoái, hoặc có người hành thiền xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh. Thế nào gọi là người hành thiền xí thạnh mà cho là suy thoái? Người hành thiền kia ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có giác có quán, hỷ và lạc phát sanh do ly dục, chứng Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Tâm người đó tu tập chánh tư duy thì từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai; đó là sự tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiền đó lại nghĩ rang: "Tâm ta lìa bổn tướng, mà hướng đến chỗ khác, làm mất Thiền thứ nhất và diệt mất djnh." Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc, tịch tịnh, từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai; đó là tịch tịnh thù thắpg." Vị ấy do không biết như thật như vậy nên đối với sự như thật mà thối chuyển ý, bèn mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền, giác và quán đã tịch

tịnh, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, có hỷ và lạc phát sanh do đinh, chứng Thiền thứ hai, thành tựu an trú. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba; đó là tịch tịnh thù thăng. Nhưng người hành thiên ây lại nghĩ răng: "Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Thiền thứ hai và diệt mất djnh." Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng: :Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tinh, rồi từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba; đo là tịch tinh thu thắỊig." Vị ấy do không biết như thật, đối với sự như thật mà thối chuyển ý, liền mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền ly hỷ và dục, xả, vô cầu, an trú chánh niệm, chánh trí, thân có cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là uxả niệm lạc trú", chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu an tru. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư; đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiền đó lại nghĩ: "Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, mất Thiền thứ ba và diệt mất djnh." Người hành thiền ấy không biết như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh

tư duy, an lạc tịch tịnh, từ nơi Thiên thứ ba hướng đên Thiên thứ tư; đó là tịch tịnh thù tpắng." Vị ấy do không biết như thật, đối với sự như thật mà thối chuyển ý? liền mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền với khổ diệt, lạc diệt, hỷ và ưu vốn có cũng diệt, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Thiền thứ tư hướng đến Vô lượng không xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng vị hành thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta lìa bổn tương mà hướng đến chỗ khác, làm mất Thiền thứ tư và diệt mất djnh." Vi hành thiền ấy không biết như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ tư hướng đến Vô lượng không xứ; đó là tịch tịnh thù thắpg." Vị ấy do không biết như thật, đối với sự như thật mà thối chuyển y, làm mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thoái. Lại nữa, người hành thiên vượt qua tát cả săc tưởng, diệt hữu đôi tưởng, không tư duy bất cứ loại tưởng nào, nhập Vô lượng không, thành tựu an trú nơi Vô lượng không xứ. Tâm vi ấy tu tập chánh tư duy, từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ; đó là tịch tinh thù thắng. Nhưng vị hành thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, mất Vô lượng không xứ và diệt mất định.,, Vi hành thiền ấy không biết như thật rằng: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ; đó là tịch tịnh thù thắng." Vị ấy do không biết như thật, đối với sự như thật mà thối chuyển y, làm mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, thành tựu an trú Vô lượng thức xứ. Tâm vị ây tu tập chánh tư duy, từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Nhimg vị hành thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Vô lượng thức xứ, diệt mất djnh." Người hành thiền ấy không biết như thật rang: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ; đó là tịch tịnh thù thang?9 Vị ấy không biết như thật nên đối với sự như thật mà thối chuyển ý, làm mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh mà gọi là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền vượt qua

tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Nhưng người hành thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta lìa bổn tướng mà hướng đến chỗ khác, làm mất Vô sở hữu xứ, diệt mất djnh." Vị hành thiền ấy không biết như thật rằng: “Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ chỗ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; đó là tịch tinh thù thắng.,, Vị ấy do không biêt như thật nên đôi với sự như thật mà thôi chuyên ý, làm mát định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh mà nói là suy thoái.

176. KINH HÀNH THIỀN 1009

Thế nào là hành thiền suy thoái mà cho là xí thạnh? Người hành thiền ấy ly dục, ly ác, bất thiện pháp, có giác có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Vị ấy tư duy trong những tư tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Thiền thứ hai. Nhimg người ấy lại nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai; đó là tịch tịnh thù thang.^ Người hành thiền ấy không biết như thật rằng có thể tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Thiền thứ nhất, nhưng không thể bằng tư duy về những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Thiền thứ hai. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vị ấy vì vậy mà mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiền với giác và quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng Thiền thứ hai, thành tựu và an tru. Vị ấy tư duy trong những tư tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Thiền thứ ba. Nhưng n^ười hành thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba; đó là tịch tịnh thù thắng.” Người hành thiền ấy không biết như thật rằng có thể tư duy bằng tưởng tương ưng với yêm ly mà nhập Thiên thứ hai, nhưng không thê bằng tư duy vê những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Thiền thứ ba. Vi ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vì vậy mà mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiên ly hỷ, ly dục, xả, vô câu, an trú chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng Thiền thứ ba, thành tựu và an trú. Vị ấy tư duy trong những tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Thiền thứ tư. Nhưng nẹười hành thiền ấy lại nghĩ: “Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiên thứ ba hướng đến Thiền thứ tư; đó là tịch tịnh thù thắng." Người hành thiền ấy không biết như thật rằng có thể tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Thiền thứ tư, nhưng không thể bàng tư duy về những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Thiền thứ tư. Vị ấy do khônẹ biết như thật nên không biết rõ tâm minh, vì vậy mà mất đinh. Người hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiền với lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn có cũng diệt, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Người hành thiền ấy tư duy trong những tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Vô lượng không xứ. Nhung người hành thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Thiền thứ tư hướng đến Vô lượng không xứ; đó là tịch tinh thù thắng." Người hành thiền ấy không biết như thật răng có thê tư duy băng tưởng tương ưng với yêm ly mà

nhập Thiền thứ tư, nhưng không thể bằng tư duy về những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Vô lượng không xứ. Vi ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vì vậy mà mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh.

1010 KINH TRƯNG A-HÀM

Lại nữa, người hành thiên vượt qua tát cả sác tưởng, diệt hữu đôi tưởng, không tư duy bất cứ loại tưởng nào, nhập Vô lượng không xứ, chứng Vô lượng không xứ, thành tựu an trú. Vị ấy tư duy trong những tư tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Vô lượng thức xứ. Nhưng người hành thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ; đó là tịch tịnh thù thắng.” Người hành thiền ấy không biết như thật rằng có thể tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Vô lượng không xứ, nhung không thê băng tư duy vê những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Vô lượng thức xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm mình, vì vậy mà mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiền vượt qua Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, chứng Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú. Vi ấy tư duy trong những tư tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Vô sở hữu xứ. Nhung người hành thiền ấy nghĩ: “Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ; đó là tịch tịnh thù thắng.” Người hành thiền ây không biêt như thật răng có thê tư duy băng tưởng tương ưng với yêm ly mà nhập Vô lượng thức xứ, nhưng không thê băng tư duy vê những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Vô sở hữu xứ. Vị ấy do không biết như thật nên không biết rõ tâm minh, vì vậy mà mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú. Vị ấy tư duy trong những tưởng nhỏ hẹp khác mà tu tập con đường dẫn đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Nhimg người hành thiền ấy lại nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; đó là tịch tinh thù thắng." Người hành thiền ấy không biết như thật rằng có thể tư duy bằng tưởng tương ưng với yểm ly mà nhập Vô sở hữu xứ, nhưng không thể bằng tư duy về những tưởng nhỏ hẹp khác mà vào Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Vị ây do không biêt như thật nên không biết rõ tâm mình, vì vậy mà mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái mà cho là xí thạnh. Thế nào là người hành thiền suy thoái thì biết như thật là suy thoái? Người hành thiên ây với sở hành, với đôi tượng và mục tiêu, vượt qua tát cả Vô sở hữu xứ, nhập Phi hữu tưởng phi vô tưởng, chứng Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, thành tựu an trú. Nhimg vi ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên Vô sở hữu xứ mà niệm tưởng tương ưng vốn đã thối thất sẵn. Người hành thiền ấy nghĩ: "Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại huýng đến chỗ khác, mất Phi hữu tưởng phi vo tưởng xứ, diệt mất djnh.” Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý, không mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái.

176. KINH HÀNH THIỀN 1011

Lại nữa, người hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ, thành tựu an tru. Nhimg vị ây

không thọ hành ây, không suy niệm vê đôi tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên Vô lượng thức xứ mà niệm tưởng tương img vốn đã thối thất sẵn. Người hành thiền ấy nghĩ: :Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại huýng đến chỗ khác, mất Vô sở hữu xứ, diệt mất djnh." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý, không mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền ấy với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, chứng Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú. Nhưng vị ây không thọ hành ây, không suy niệm vê đôi tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên Vô lượng không xứ mà niệm tưởng tương ưng vốn đã thối thất sẵn. Người hành thiền ấy nghĩ: "Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Vô lượng thức xứ, diệt mất djnh." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý, không mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, vượt qua r r L . ' . : .

tát cả các sác tưởng, diệt hữu đôi tưởng, không suy niệm bát cứ loại tưởng nào, nhập Vô lượng không, chứng Vô lượng không xứ, thành tựu an trú. Nhưng vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên sự ái lạc sác mà niệm tưởng tương ưng vôn đã thôi thát săn. Người hành thiền ấy nghĩ: "Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Vô lượng không xứ, diệt mất djnh." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý, không mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn có cũng đã diệt, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng Thiên thứ tư, thành tựu an tru. Nhưng vị ây không thọ hành ây, không suy niệm vê đôi tượng và mục tiêu ây, chỉ hành trên Thiên thứ ba mà niệm tưởng tương ưng vốn đã thối thất sẵn. Người hành thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Thiền thứ tư, diệt mất djnh." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối v, không mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái. Lại nữa, người hành thiên với sở hành, với đôi tượng và mục tiêu, ly hỷ, ly dục, xả? vô cầu, an trú chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng Thiền thứ ba, thành tựu an trú. Nhung vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên Thiền thứ hai mà niệm tưởng tương ưng vốn đã thối thất sẵn. Người hành thiền ấy bèn nghĩ: 'Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Thiền thứ ba, diệt mất dinh." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không

thối ý, không mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, giác và quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu an trú. Nhưng vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên Thiền thứ nhất mà niệm tưởng tương ưng vôn đã thôi thát săn. Người hành thiên ây bèn nghĩ: "Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Thiền thứ hai, diệt mất djnh." Vi ấy biết như thật rồi, đối với sự như

thật không thối ý? không mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái. Lại nữa, người hành thiền với sở hành, với đối tượng và mục tiêu, ly dục, ly ác, bát thiện pháp, có giác, có quán, có hỷ lạc do định sanh, chứng Thiên thứ nhất, thành tựu an trú. Nhưng vị ấy không thọ hành ấy, không suy niệm về đối tượng và mục tiêu ấy, chỉ hành trên sự ái lạc dục mà niệm tưởng tương ưng vốn đã thối thất sẵn. Người hành thiền ấy bèn nghĩ: 'Tâm ta lìa khỏi bổn tướng, lại hướng đến chỗ khác, mất Thiền thứ nhất, diệt mất djnh." Vị ấy biết như thật rồi, đối với sự như thật không thối ý, không mất định. Người hành thiền như vậy là suy thoái thì biết như thật là suy thoái. Thế nào là người hành thiền xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh? Người hành thiền ấy ly dục, ly ác, bất thiện pháp, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đác Thiên thứ nhát, thành tựu an trú. Tâm vị ây tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai; đó là tịch tinh thù thắng. Người hành thiền ấy bèn nghĩ: “Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Thiền thứ nhất hướng đến Thiền thứ hai; đó là tịch tinh thù thắng.” Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiên với giác quán đã dứt, nội tĩnh nhát tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đác Thiên thứ hai, thành tựu an trú. Tâm vi ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba; đó là tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Thiền thứ hai hướng đến Thiền thứ ba; đó là tịch tinh thù thắng." Vi ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất đinh. Người hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiền ly hỷ, ly dục, xả5 vô cầu, an tru chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng Thiền thứ ba, thành tựu an trú. Tâm vi ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư; đó là tịch tịnh thù thắng. Người hành thiên ây bèn nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tinh, roi từ

Thiền thứ ba hướng đến Thiền thứ tư; đó là tịch tịnh thù thắng." Vi ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiền với lạc diệt, khổ diệt, hỷ ưu vốn có cũng đã diệt, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an tru. Tâm vị ây tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, roi từ Thiên thứ tư hướng đến Vô lượng không xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Thiền thứ tư hướng đến Vô lượng không xứ; đó là tịch tịnh thù thắng." Vi ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất đinh. Người hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiền vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không tư duy bất cứ loại tưởng nào, nhập Vô lượng không, chứng Vô lượng không xứ ấy, thành tựu an trú. Tâm vi ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy bèn nghĩ: “Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Vô lượng không xứ hướng đến Vô lượng thức xứ;

đó là tịch tịnh thù thắng." Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiền vượt qua Vô lượng không XÚT, nhập Vô lượng thức, chứng Vô lượng thức xứ ây, thành tựu an trú. Tâm vị ây tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ; đó là tịch tịnh thù thắng. Người hành thiền ấy bèn nghĩ: "Tâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Vô lượng thức xứ hướng đến Vô sở hữu xứ; đó là tịch tịnh thù thắng." Vi ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất định. Người hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh. Lại nữa, người hành thiền ấy vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, chứng Vô sở hữu xứ, thành tựu an tru. Tâm vị ấy tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tinh, rồi tư Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; đó là tịch tinh thù thắng. Người hành thiền ấy bèn nghĩ: uTâm ta tu tập chánh tư duy, an lạc tịch tịnh, rồi từ Vô sở hữu xứ hướng đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ; đó là tịch tịnh thù thắng.” Vị ấy biết như thật rồi, bèn biết rõ tâm ấy mà không làm mất đinh. Người hành thiền như vậy là xí thạnh thì biết như thật là xí thạnh. Thế gian quả thật có bốn loại người hành thiền như vậy, vì vậy mà Ta giảng thuyết. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hanh.

177. KINH THUYET Tôi nghe như vầy: Một thời, đức Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở trong đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm, Câu-lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo rằng: Ta sẽ thuyết pháp cho các thầy nghe; vi diệu ở đoạn đầu, vi diệu ở đoạn giữa và vi diệu ở đoạn cuối; có văn, có nghĩa, đầy đủ, thanh tịnh, hiển hiện Phạm hạnh; đó là Kinh Tứ chủng thuyết. Sau dây, Ta sẽ phân biệt nghĩa lý của Kinh Tứ chủng thuyết. Hãy lắng nghe! Hãy lắng nghe! Hãy khéo tư niệm, Ta sẽ giảng! Khi ây, các Tỳ-kheo vâng lời dạy, chờ nghe. Đức Phật nói: -Thế nào gọi là phân biệt nghĩa lý của Kinh Tứ chủng thuyết? Nếu có Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng và tiêu đích mà ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Nhưng vi ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với dục lạc, với sự thôi chuyên thì Tỳ-kheo ây phải nên biêt răng: "Ta sanh pháp này mà không trú, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta bị thối chuyển. Do đó, định này của ta không tồn tại lâu dai." Thầy Tỳ-kheo ấy phải nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích mà ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu an trú. Và vị ấy thọ lãnh sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, khiến an tru với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được an trú. Do đó, định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích mà ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Thiền thứ hai, với sự thăng tiên thì Tỳ-kheo ây nên biêt răng: "Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không trú, cũng không nhàm

chán. Vì ta sanh pháp này nên

ta được thăng tiến. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Thiền thứ hai." Thây Ty-kheo ay nen biêt như vạy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích mà ly dục, ly pháp ác, bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, với sự vô dục thì Tỳ-kheo ây nên biết rằng: “Ta sanh pháp này mà không thôi chuyển, không trú, cũng không thăng tiến. Vì ta sanh pháp này có thể khiến ta nhàm chán. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tận.,, Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu dích, giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu và an trú. Nhưng vị ây không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Thiền thứ nhất, với sự thối chuyển thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không trú, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta bị thối chuyển. Do đó? định này của ta không tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do đinh sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu và an trú. Và vi ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không thối, không tiến, cũng khôn^ nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được an trú. Do đó, định này của ta chác chắn tồn tại lâu dài.” Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu và an trú. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Thiền thứ ba, với sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không trú, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Thiền thứ ba." Thày Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu dích, giác quán đã dứt, nội tĩnh nhất tâm, không giác, không quán, hỷ lạc do định sanh, chứng đắc Thiền thứ hai, thành tựu và an tru. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, với sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không trú, cũng không thăng tiến. Vì ta sanh pháp này nên khiến ta nhàm chán. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tan." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trú với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú"chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu và an trú. Nhưng vi ấy không chấp thọ sở

hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương img với Thiền thứ ba, với sự thối chuyển thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Ta sanh pháp này mà không trú, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta bi thối chuyển. Do đó, đinh này của ta không tồn tại lâu dai.” Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, ly hỷ dục, xả, vô cầu, an tru với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trh”, chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu và an trú. Và vị ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được an trú. Do đó, định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dai?9 Thầy Tỳ- kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu dích, ly hỷ dục, xả, vô cầu, an tru với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú", chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu và an trú. Nhtrng vị ấy không châp thọ sở hành này, không suy niệm trên đôi tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Thiền thứ tư, với sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biêt răng: "Ta sanh pháp này mà không thôi, không trú, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng Thiền thứ tư." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu dích, ly hỷ dục, xả, vô cầu, an trú với chánh niệm, chánh trí, thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là "xả niệm lạc trú”, chứng đác Thiên thứ ba, thành tựu và an trú. Nhtrng vi ây không châp thọ sở hành này, không suy niệm trên đôi tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương img với tịch diệt, tịch tĩnh, với sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biêt răng: “Ta sanh pháp này mà không thôi, không trú, cũng không thăng tiến. Vì ta sanh pháp này nên ta bị nhàm chán. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tan." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Nhimg vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Thiền thứ ba, với sự thối chuyển thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Ta sanh pháp này mà không trú, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta bị thối chuyển. Do đó, định này của ta không tồn tại lâu dâiy Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

1018 KINH TRUNG A-HÀM

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Và vị ây châp thọ sở hành này, suy niệm trên đôi tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được an trú. Do d6, đinh này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Nhưng vi ây không châp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối

tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương img với Vô lượng không xứ, với sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không trú, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng đắc vô lượng không xú;" Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu dích, diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú. Nhung vị ây không châp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, với sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không trú, cũng không thăng tiến. Vì ta sanh pháp này nên khiến ta nhàm chán. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tan." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, nhập Vô lượng không, thành tựu và an tru Vô lượng không xứ. Nhưng vi ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với ái lạc sắc, với sự thối chuyển thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không trú, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta bị thôi chuyên. Do đó, đinh này của ta không tôn tại lâu dai." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, nhập Vô lượng không, thành tựu và an tru Vô lượng không xứ. Và vị ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được an trú. Do đó, định này của ta chắc chắn tồn tại lâu dai." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy.

177. KINH THUYẾT 1019

Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đôi tượng, tiêu đích, vượt qua tát cả săc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, nhập Vô lượng không, thành tựu và an trú Vô lượng không xứ. Nhưng vi ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô lượng thức xứ, với sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không trú, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng đắc vô lượng thức xứ" Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả sắc tưởng, diệt hữu đối tưởng, không suy niệm bất cứ loại tưởng nào, nhập Vô lượng không, thành tựu và an trú Vô lượng không xứ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tinh, với sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biêt răng: “Ta sanh pháp này mà không thôi chuyên, không trú, cũng không thăng tiến. Vì ta sanh pháp này nên khiến ta nhàm chán. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tan." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu dích, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, thành tựu và an trú Vô lượng thức xứ. Nhung

vi ây không châp thọ sở hành này, không suy niệm trên đôi tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô lượng không xứ, với sự thối chuyển thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Ta sanh pháp này mà không trú, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta bị thối chuyển. Do đó, đinh này của ta không tồn tại lâu dSi." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu dích, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, thành tựu và an trú Vô lượng thức xứ. Và vị ây châp thọ sở hành này, suy niệm trên đôi tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an trú với ý chuyên nhất thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không thôi chuyên, không tiên, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này khiến ta được an trú. Do đó, định này của ta chắc chắn tồn tại lâu di." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu dích, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, thành tựu và an trú Vô lượng thức xứ. Nhưng vi ấy không chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô sở hữu xứ, với sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không trú, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến. Như vậy, không bao lâu nữa, sẽ chứng đắc Vô sở hữu xứ." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, nhập Vô lượng thức, thành tựu và an trú Vô lượng thức xứ. Nhưng vị ây không châp thọ sở hành này, không suy niệm trên đôi tượng, tiêu

đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với tịch diệt, tịch tĩnh, với sự vô dục thì Tỳ-kheo ây nên biêt răng: “Ta sanh pháp này mà không thôi chuyên, không trú, cũng không thăng tiến. Vì ta sanh pháp này nên khiến ta nhàm chán. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tânZ, Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu dích, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, thành tựu và an trú Vô sở hữu xứ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Vô lượng thức xứ, với sự thối chuyển, Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không tru, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta bị thối chuyển. Do đó, đinh này của ta không tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ"kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, thành tựu và an tru Vô sở hữu xứ. Và vi ấy chấp thọ sở hành này, suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, lập niệm đúng như pháp, an tru với ý chuyên nhát thì Tỳ-kheo ây nên biêt răng: "Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không tiến, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được an trú. Do đó, đinh này của ta chắc chắn tồn tại lâu dài." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, thành tựu và an trú Vô sở hữu xứ. Nhưng vi ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ, với sự thăng tiến thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: "Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không tru, cũng không nhàm chán. Vì ta sanh pháp này nên ta được thăng tiến. Như

vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng đắc Phi hữu tưởng phi vô tưởng XÚT." Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Lại nữa, Tỳ-kheo với sở hành, đối tượng, tiêu đích, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, nhập Vô sở hữu, thành tựu và an trú Vô sở hữu xứ. Nhưng vị ấy không chấp thọ sở hành này, không suy niệm trên đối tượng, tiêu đích này, mà chỉ hành niệm tưởng tương ưng với sự nhàm chán, với sự vô dục thì Tỳ-kheo ấy nên biết rằng: “Ta sanh pháp này mà không thối chuyển, không trú, cũng không thăng tiến. Vì ta sanh pháp này nên khiến ta nhàm chán. Như vậy, không bao lâu nữa sẽ chứng quả lậu tậny Thầy Tỳ-kheo ấy nên biết như vậy. Có tưởng và có thọ được biết ngang đến mức ấy, cho đến Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ là hành nghiệp lưu dư cao hơn hết trong sự hữu. Tỳ-kheo hành thiên hãy phát khởi theo như vậy, hãy thuyêt giảng lại cho người khác biêt! Đức Phật thuyêt như vậy, các thây Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

178. KINH LẠP sư 5

Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc lâm, vườn Ca- lan-đa. Bay giờ, đức The Ton noi vơi các Tỳ-kheo: Người thợ săn khi bây môi nai, không có tâm như vây: “Mong cho nai được béo mập, được tốt đẹp, được sức lực, được sung sướng, sống lâu.” Nhưng nậười thợ săn bẫy mồi nai với tâm như vầy: "By mồi là chỉ muốn chúng đến gân đê ăn, đã đên gân đê ăn thì sẽ buông lung phóng dật, đã buông lung phóng dật thì sẽ tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ san?9 Người thợ ăn bẫy mồi nai với tâm như vậy. Đàn nai thứ nhất đến gần để ăn đồ mồi của thợ săn; sau khi chúng đến gần để ăn, bèn sanh buông lung phóng dật; rồi do buông lung phóng dật nên bi tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Đàn nai thứ hai suy nghĩ: "Đàn nai thứ nhất đã đến gần để ăn đồ mồi của thợ săn; sau khi chúng đến gần để ăn, bèn sanh buông lung phóng dật; rồi do buông lung phónệ dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhát không thoát khỏi cảnh giới thợ săn và quyên thuộc thợ săn. Nay ta đừng ăn đồ ăn của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ, uống nước được cltông?" Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ hai liền bỏ mặc đồ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn c6, uông nước. Đên tháng cuôi mùa xuân, cỏ nước đêu hét, thân thê chúng rất gầy ốm, khí lực hao mòn, và rồi lại bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ hai cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Đàn nai thứ ba lại suy nghĩ: "Dàn nai thứ nhất và thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa; sau d6, hãy ăn đồ mồi của thợ săn mà đừng đến gần; đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng dật; do không buông lung phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn.,, Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ ba liền tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa; sau đó, ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần; ăn mà không đến gần nên không buông lung phóng

1022 KINH TRUNG A-HÀM

dật; rồi do không buông lung phóng dật nên không tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn nghĩ: "Bàn nai thứ ba này khôn lanh kỳ lạ, quả thật rất khôn lanh! Vì sao? Vì chúng ăn đồ mồi của ta mà ta không thể bắt được. Nay ta hãy bủa vòng lưới chạy dài; sau khi bủa lưới chạy dài, chắc sẽ biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba này.^, Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn bủa vòng lưới chạy dài, và sau đó biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba. Như vậy là đàn nai thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Đàn nai thứ tư lại suy nghĩ: "Dàn nai thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không đến được; sau đó, hãy ăn đô môi của thợ săn mà đừng đên gân; đã ăn mà không đên gân thì không buông lung phóng dật; không buông lung phóng dật, sẽ không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ sn." Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ tư liền nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không thể đến được; nương ở chỗ ấy roi liên ăn đô môi của thợ săn mà không đên gân; đã ăn mà không đên gân nên không buông lung phóng dật; rồi do không buông lung phóng dật nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn lại suy nghĩ: "Bàn nai thứ tư này tuấn mãnh kỳ lạ, quả thật rất tuấn mãnh! Nếu ta xua đuổi chúng, chắc chắn không thể được, vì những con nai khác sẽ kinh sợ bỏ chạy tán loạn. Vậy, ta hãy cứ bỏ mặc đàn nai thứ tư này." Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bỏ mặc. Như vậy là đàn nai thứ tư thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Này Tỳ-kheo, Ta nói thí dụ này là muốn các thầy hiểu rõ ý nghĩa. Nay Ta nói những điều này, các thầy hãy quán sát nghĩa lý của chúng. Đồ mồi của thợ săn, nên biết, đó là năm đặc tính của dục: sắc được biết bởi mắt, tiếng được . ji • e r • :L

nghe bởi tai, hương được biêt bởi mũi, vị được biêt bởi lưỡi và xúc được biêt bởi thân. Đô môi của thợ săn, nên biêt, đó chính là năm đặc tính của dục. Người thợ săn, nên biêt, đó chính là Ac Ma vương. Quyên thuộc của thợ săn, nên biêt, đó chính là quyến thuộc của Ma vương. Còn đàn nai, nên biết, đó chính là Sa- môn, Phạm chí vậy. z r y y y y \ Sa-môn9 Phạm chí thứ nhát đên gân đô môi của Ma vương, là đô môi của the gian tín thí. Những vị ấy sau khi đen gan đe ăn, bèn sanh buông lung phóng dật; rồi do buông lung phóng dật nên bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-mon, Phạm chí thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Ví như đàn nai thứ nhất đến gần đê ăn đô môi của thợ săn; sau khi chúng đên gân đê ăn, bèn sanh buông lung phóng dật; rồi do buông lung phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc

178. KINH LẠP sư 1023

e r

thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ nhát không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyên thuộc thợ săn. Các thây hãy quán sát các Sa-môn, Phạm chí kia cũng giống như vậy. Sa-môn, Phạm chí thứ hai lại suy nghĩ: "Sa-môn, Phạm chí thứ nhất đến gần để ăn đồ mồi của Ma vương, là ăn của thế gian tín thí. Những vị ấy sau khi đên gân đê ăn, bèn

sanh buông lung phóng dật; roi do buông lung phóng dật nên bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Nay ta hãy từ bỏ đồ mồi của thế gian tín thí, tránh xa chỗ đáng sợ5 nương ở nơi rừng vắng an toàn, chỉ ăn trái cây và rễ cây." Sau khi suy nghĩ, Sa-môn, Phạm chí thứ hai liền từ bỏ đồ ăn của thê gian tín thí, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, chỉ ăn trói cây và rễ cây. Đen tháng cuối mùa xuân, trái cây và rễ cây đều hết, thân thể những vi ấy rất gầy ốm, khí lực hao mòn; vì khí lực hao mòn nên tâm giải thoát, tuệ giải thoát cũng hao mòn; tâm giải thoát, tuệ giải thoát đã hao mòn nên trô lại bi tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ hai cũng không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Ví như đàn nai thứ hai suy nghĩ: "Bàn nai thứ nhát đên gân đê ăn đô môi của thợ săn; sau khi chúng đến gần để ăn, bèn sanh buông lung phóng dật; rồi do buông lung phóng dật nên bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Như vậy ỉa đàn nai thứ nhất không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy từ bỏ đồ mồi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ, uống nước được chăng?,, Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ hai liền từ bỏ đo moi của thợ săn, tránh xa chỗ đáng sợ, nương ở nơi rừng vắng an toàn, ăn cỏ, uông nước. Đên tháng cuôi mùa xuân, cỏ nước đêu hêt5 thân thê chúng rát gây ôm, khí lực hao mòn; và roi lại bị tùy thuộc thợ săn và quyên thuộc thợ săn. Như vậy là đàn nai thứ hai không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Các thầy hãy quán sát Sa-môn, Phạm chí thứ hai kia cũng giống như vậy. Sa-môn, Phạm chí thứ ba lại suy nghĩ: “Sa-m6n, Phạm chí thứ nhất và thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Nay ta hãy tránh xa Ma vương và quyến thuộc Ma vương, nương ở một nơi không xa; sau đó, hãy ăn đồ môi của thế gian tín thí mà đừng đến gần; đã ăn mà không đến gần thì không bi tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương." Sau khi suy nghĩ, Sa-môn, Phạm chí thứ ba liền tránh xa Ma vương và quyến thuộc Ma vương, nương ở một nơi không xa; sau đó, ăn đồ mồi của thế gian tín thí mà không đến gần; đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng dật; rồi do không buông lung phóng dật nên không bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương, nhưng còn chấp thủ hai kiến chấp là hữu kiên và vô kiên. Những vị ây do châp thủ hai kiên châp này nên roi cũng bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ

91 •r • 9 -B < a 1 A -a ba cũng không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyên thuộc Ma vương. Ví như đàn nai thứ ba suy nghĩ: "Bàn nai thứ nhất và đàn nai thứ hai, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa; sau đó, hãy ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần; đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng dật; không buông lung phóng dật thì không bi tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ sn." Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ ba liền tránh xa thợ săn và quyến thuộc thợ săn, nương ở một nơi không xa; sau đó, ăn đồ mồi của thợ săn mà không đến gần; đã ăn mà không đến gần nên không buông lung phóng dật; rồi do không buông lung phóng dật

nên không bị tùy thuộc thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyến thuộc thợ săn suy nghĩ: "Đàn nai thứ ba này khôn lanh kỳ lạ, quả thật rất khôn lanh! Vì sao vậy? Vì chúng ăn đồ mồi của ta mà ta không thể bắt được. Nay ta hãy bủa vòng lưới chạy dài; sau khi bủa vòng lưới chạy dài, chắc sẽ biết được chỗ &, đường lui tới của đàn nai thứ ba này." Sau khi suy nghi, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bủa vòng lưới chạy dài, và sau đó biết được chỗ ở, đường lui tới của đàn nai thứ ba. Như vậy là đàn nai thứ ba cũng không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Chỗ ở, nen biết, đó chính là hữu kiến. Đường lui tới, nên biết, đó chính là vô kiến. Các thầy hãy quán sát Sa-môn? Phạm chí thứ ba cũng giống như vậy. Sam6n, Phạm chí thứ tư lại suy nghĩ: uSa-môn, Phạm chí thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tất cả đều không thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Nay ta hãy nương ở một nơi mà Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đến được; sau đó, hãy ăn đồ mồi của thế gian tín thí mà đừng đên gân; đã ăn mà không đên gân thì không buông lung phóng dật; không buông lung phóng dật thì không bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc của Ma vương." Sau khi suy nghĩ, Sa-môn5 Phạm chí thứ tư này liền nương ở một nơi mà Ma vương và quyến thuộc Ma vương không thể đến được; sau đó, ăn đồ mồi của thế gian tín thí mà không đến gần; đã ăn mà không đến gần nên không buông lung phóng dật; rồi do không buông lung phóng dật nên không bị tùy thuộc Ma vương và quyến thuộc Ma vương. Như vậy là Sa-môn, Phạm chí thứ tư thoát khỏi cảnh giới của Ma vương và quyến thuộc của Ma vương. Cũng như đàn nai thứ tư lại suy nghĩ: "Bàn nai thứ nhát, thứ hai và thứ ba, tát cả đều không thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Nay ta hãy nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không đến được; sau đó, hãy ăn đồ mồi của thợ săn mà đừng đến gàn; đã ăn mà không đến gần thì không buông lung phóng dật; không buông lung phóng dật thì không bị tùy thuộc thợ săn và quyên thuộc thợ sn." Sau khi suy nghĩ, đàn nai thứ tư liên nương ở một nơi mà thợ săn và quyến thuộc thợ săn không thể đến được; sau đó, ăn đồ mồi của thợ săn mà không đên gân; đã ăn mà không đên gân nên không buông lung phóng dật; rồi do không buông lung phóng dật nên không bi tùy thuộc thợ săn và quyên thuộc thợ săn. Người thợ săn và quyên thuộc thợ săn lại suy nghĩ:

178. KINH LẠP sư 1025

"Đàn nai thứ tư này tuấn mãnh kỳ lạ, quả thật rất tuấn mãnh! Nếu ta xua đuổi chúng, chắc chắn không thể được, vì những con nai khác sẽ kinh sợ bỏ chạy tán loạn. Vậy ta hãy bỏ mặc đàn nai thứ tư nay?9 Sau khi suy nghĩ, thợ săn và quyến thuộc thợ săn liền bỏ mặc. Như vậy là đàn nai thứ tư thoát khỏi cảnh giới của thợ săn và quyến thuộc thợ săn. Các thầy hãy quán Sa-môn, Phạm chí thứ tư cũng giông như vậy. Này Tỳ-kheo, phải nên học chỗ ở, đường lui tới như vậy, để khiến Ma vương và quyên thuộc của Ma vương không thê đên được. Chô nào mà Ma vương và quyên thuộc của Ma vương không thê đên được? Đó là Tỳ-kheo ly dục, ly ác, bất thiện, cho đến chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Đó là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được. Lại nữa, chô nào mà Ma vương và quyên thuộc của Ma vương không thê đến được? Đó là Tỳ-kheo có tâm đi đôi với từ, biến mãn cả một phương, thành tựu và an trú. Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bốn hướng, phương trên, phương dưới, phổ

biến khắp cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không nhuế, không hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu và an tru. Cũng như vậy, đối với bi và hỷ. Tâm đi đôi với xả, biến mãn cả một phương, thành tựu và an trú. Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bôn hướng, phương trên, phương dưới, phô biên kháp cả, tâm đi đôi với xả? không kết, không oán, không sân, không nhuế, không hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn tất cả thế gian, thành tựu và an trú. Đó gọi là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được. Lại nữa, chỗ nào mà Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo vượt qua tất cả các sắc tưởng, cho đến thành tựu và an trú Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ. Đó gọi là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được. Lại nữa, chỗ nào mà Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được? Đó là Tỳ-kheo vượt qua tất cả Phi hữu tưởng phi vô tưởng xứ? nhập tưởng thọ diệt, tự thân tác chứng, thành tựu an trú, do tuệ kiên mà vĩnh viễn diệt tận các lậu. Đó gọi là chỗ Ma vương và quyến thuộc của Ma vương không thể đến được. Này Tỳ-kheo, chỗ &, đường lui tới như vậy khiến Ma vương và quyên thuộc của Ma vương không thê đên được. Các thây phải nên học như vậy. Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

179. KINH NGŨ CHI VẬT CHỦ Tôi nghe như vây: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ9 trong rừng Thắng Lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Ngũ Chi Vật Chủ, vào buổi sáng sớm, rời khỏi nước Xá-vệ, đi đến chỗ Phật để cúng dường, lễ bái. Ngũ Chi Vật Chủ suy nghĩ: "Dù có đến chỗ đức Phật thì đức Thế Tôn và các Tỳ-kheo vẫn còn đang thiền tịnh. Vậy ta hãy đi đến vườn của kẻ dị học Nhất Sa-la-mat-lai?9 Rồi Ngũ Chi Vật Chủ bèn đến chỗ du hy hoan lạc gần hàng cây Cân-đầu-a-lê9 đi đến vườn kẻ di học Nhất Sa- la-mạt-lợi. Bấy giờ, trong vườn kẻ dị học Nhất Sa-la-mạt-lợi có một dị học Sa-môn tên là Văn-kỳ-tử, là Đại Tông chủ của chúng dị học, là Tôn sư của mọi người, được mọi người kính trọng, thống lãnh một đại chúng gần năm trăm dị học; đang ở giữa đám đồ chúng ồn ào, cao giọng, luận bàn đủ mọi chuyện, như bàn chuyện bao nhiêu loại súc sanh, bàn chuyện vua, chuyện giặc, chuyện đấu tranh, chuyện ăn uống, chuyện áo chăn, chuyện phụ nữ, chuyện đồng nữ, chuyện dâm nữ5 chuyện the gian, chuyện tà đạo, chuyện trong biển; tất cả những chuyện chào xáo như the đều được tập hội luận bàn tại đây. Dị học Sa-môn Văn-kỳ-tử trông thấy Ngũ Chi Vật Chủ từ xa tiến đến, liền ra lệnh hội chúng của mình im lặng và bảo: "Các người hãy im lặng, đừng nói nữa, hãy tự thu liễm. Có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm là Ngũ Chi Vật Chủ sắp đến đây. Trong số những đệ tử tại gia của Sa-môn Cù-đàm ở nước Xá-vệ này, không ai hơn được Ngũ Chi Vật Chủ. Vì sao vậy? Vì ông ấy ưa thích sự im lặng, ca ngợi sự im lặng. Nếu ông ấy thấy hội chúng đây im lặng, có thể sẽ đến thăm.,, Bấy giờ, di học Sa-môn Văn-kỳ-tử bảo hội chúng im lặng rồi, tự mình cũng im lặng. Khi ấy, Ngũ Chi Vật Chủ đi đến chỗ dị học Sa-môn Văn-kỳ-tử, cùng nhau chào hỏi rồi ngồi xuống một bên. Dị học Sa-môn Văn-kỳ-tử nói: Này Vật Chủ, nêu người nào có bôn sự, ta chủ trương răng người ây thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô Thượng Si, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa- môn chất trực. Những gì là bốn? Là thân không tạo nghiệp ác, khẩu không nói ác, không sông băng tà mạng và không suy niệm niệm ác. Này Vật Chủ, nêu người nào có bốn sự này, ta chủ trương rằng người

ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô Thượng Sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực.

1028 KINH TRƯNG A-HÀM

Ngũ Chi Vật Chủ nghe dị học Sa-môn Văn-kỳ-tử nói, không cho là phải, không cho là trái, từ chỗ ngồi đứng dậy? bước đi với ý niệm: "Với lời như vậy, ta phải đích thân đi đến Thế Tôn thưa hỏi nghĩa này." Rồi ông đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ, ngồi xuống một bên và đem những điều đã bàn luận với dị học Sa-môn Văn-kỳ-tử thuật lại hết với đức Phật. Đức Thế Tôn nghe xong, nói: Này Vật Chủ, theo lời dị học Sa-môn Văn-kỳ-tử nói, nếu quả thật như vậy thì trẻ sơ sanh tay chân mem yêu, năm ngửa mà ngủ, cũng sẽ thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô Thượng Sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực. Này Vật Chủ, trẻ sơ sanh còn không có suy tưởng vê thân, huông nữa là tạo nghiệp ác về thân, duy chỉ có động đậy thân hình. Này Vật Chủ, trè sơ sanh còn không có suy tưởng vê khâu, huông nữa là nói ác, duy chỉ biêt khóc. Này Vật Chủ, trẻ sơ sanh còn không có suy tưởng vê mạng, huông nữa là sông tà mạng, duy chỉ biết bập bẹ. Này Vật Chủ, trẻ sơ sanh còn không có suy tưởng về niệm, huống nữa là niệm ác, duy chỉ nghĩ đến sữa mẹ. Này Vật Chủ, theo lời dị học Sa-môn Văn-kỳ-tử nói, như vậy thì trẻ sơ sanh cũng thành tựu thiện, đệ nhất thiện, là bậc Vô Thượng Sĩ, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực. Này Vật Chủ, nếu người nào có bốn sự, Ta chủ trương ràng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, nhưng không phải là bậc Vô Thượng Sĩ, không thể chứng đắc đệ nhất nghĩa, cũng không phải là Sa-môn chất trực. Những gì là bốn? Là thân không tạo nghiệp ác, khẩu không nói ác? không sống tà mạng và không suy niệm ác. Này Vật Chủ, nếu người nào có bốn sự này, Ta chủ trương rằng người ấy thành tựu thiện, đệ nhất thiện, nhưng không phải là bậc Vô Thượng Sĩ, không thể chứng đắc đệ nhất nghĩa, cũng không phải là Sa-môn chất trực. Này Vật Chủ, thân nghiệp, khẩu nghiệp, Ta chủ trương đó là giới. Này Vật Chủ, niệm, Ta chủ trương đó là tam sở hữu đi theo với tâm. Này Vật Chủ, Ta nói nên biết giới bất thiện; nên biết giới bất thiện phát sanh từ đâu; nên biết giới bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào; nên biết Hiền thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ giới bất thiện. Này Vật Chủ, Ta nói nên biết giới thiện; nên biết giới thiện phát sanh từ đâu; nên biết giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào; nên biết Hiền thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ giới thiện. Này Vật Chủ, Ta nói nên biết niệm bất thiện; nên biết niệm bất thiện phát sanh từ đâu; nên biết niệm bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào; nên biết Hiền thánh đệ tử làm thế nào để diệt trừ niệm bất thiện. Này Vật Chủ, ta nói nên biết niệm thiện; nên biết niệm thiện phát sanh từ đâu; nên biết niệm thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chô nào; nên biêt Hiên thánh đệ tử làm thê nào để diệt trừ niệm thiện.

179. KINH NGŨ CHI VẬT CHỦ 1029

Này Vật Chủ, thế nào gọi là giới bất thiện? Thân hành bất thiện, khẩu, ý hành bất thiện; đó gọi là giới bất thiện. Này Vật Chủ, giới bất thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ nơi tâm. Thế nào gọi là từ nơi tâm? Nếu

tâm có dục, có nhuế, có si, nên biết giới bất thiện phát sanh từ nơi tâm này. Này Vật Chủ, giới bất thiện bi diệt trừ, không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Đa văn Thánh đệ tử xả bỏ nghiệp bất thiện về thân, tu tập nghiệp thiện về thân; xả bỏ nghiệp bất thiện về khẩu, ý, tu tập nghiệp thiện về khẩu, ý; đây là giới bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại khônệ còn dư tàn. Này Vật Chủ, Hiền thánh đệ tử tu hành thế nào để diệt trừ giới bát thiện? Nếu đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp; Hiền thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ giới bất thiện. Này Vật Chủ, thế nào gọi là giới thiện? Thân hành thiện, khẩu, ý hành thiện; đó gọi là giới thiện. Này Vật Chủ, giới thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ nơi tâm. Thế nào gọi là từ nơi tâm? Nếu tâm không có dục, không có nhuế, không có si, nên biết giới thiện phát sanh từ nơi tâm này. Này Vật Chủ, giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Nếu đa văn Thánh đệ tử hành trì giới mà không đắm trước nơi giới; đây là giới thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Này Vật Chủ, Hiền thánh đệ tử tu hành thế nao để diệt trừ giới thiện? Nếu đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp; Hiền thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ giới thiện. Này Vật Chủ, thế nào gọi là niệm bất thiện? Suy niệm về niệm dục, niệm nhuế, niệm hại; đó gọi là niệm bất thiện. Này Vật Chủ, niệm bất thiện này phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ nơi tưởng. Thế nào gọi là từ nơi tưởng? Ta nói hành trạng của tưởng có nhiều loại, đa chủng, vô lượng chủng, hoặc dục tưởng, nhuế tưởng, hại tưởng. Này Vật Chủ, chúng sanh do tưởng trong dục giới mà sanh niệm bất thiện tương img với dục giới; nếu có tưởng thì vì nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm bát thiện tương ưng với dục giới. Này Vật Chủ, chúng sanh do tưởng trong nhuế, hại giới, cho nên sanh niệm bất thiện tương ưng với nhuế, hại giới; nếu có tưởng, do nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm bất thiện tương ưng với nhuế, hại giới; đó là niệm bất thiện phát sanh từ nơi tưởng này. Này Vật Chủ, niệm bất thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bị bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Nếu đa văn Thánh đệ tử ly dục, ly pháp ác? bất thiện, có giác, có quán, có hỷ lạc do ly dục sanh, chứng đắc Thiền thứ nhất, thành tựu và an trú; đây là niệm bất thiện bi diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại khônẹ còn dư tàn. Này Vật Chủ, Hiền thánh đệ tử tu hành thế nào để diệt trừ niệm bát thiện? Nếu đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đến quán thọ, tâm, pháp như pháp; Hiền thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ niệm bất thiện.

Này Vật Chủ, thế nào gọi là niệm thiện? Suy niệm về niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại; đó gọi là niệm thiện. Này Vật Chủ, niệm thiện phát sanh từ đâu? Ta nói chỗ phát sanh của chúng, nên biết là phát sanh từ nơi tưởng. Thế nào gọi là từ nơi tưởng? Ta nói hành trạng của tưởng có nhiều loại, đa chủng, vô lượng chủng, hoặc vô dục tưởng, vô nhuế tưởng, vô hại tưởng. Này Vật Chủ, chúng sanh do tưởng trong cõi vô dục, cho nên sanh niệm thiện tương ưng với vô dục giới; nếu có tưởng thì vì nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm thiện, tương ưng với vô dục giới. Này Vật Chủ, chúng sanh do tưởng trong vô nhuế, vô hại giới, cho nên sanh niệm thiện tương ung với vô nhuế, vô hại giới;

nếu có tưởng thì vì nhân nơi tưởng đó cho nên sanh niệm thiện tương ung với vô nhuế, vô hại giới; đó là niệm thiện phát sanh từ nơi tưởng này. Này Vật Chủ, niệm thiện bị diệt trừ không còn dư tàn ở chỗ nào, bi bại hoại không còn dư tàn ở chỗ nào? Nếu đa văn Thánh đệ tử diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã c6, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng đắc Thiền thứ tư, thành tựu và an trú; đây là niệm thiện bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn. Này Vật Chủ, Hiền thánh đệ tử tu hành thế nào để diệt trừ niệm thiện? Nếu đa văn Thánh đệ tử quán nội thân như thân, cho đen quán thọ, tâm, pháp như pháp; Hiền thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ niệm thiện. Này Vật Chủ, đa văn Thánh đệ tử do tuệ quán sát, biết đúng như thật giới bất thiện; biết đúng như thật giới bất thiện phát sanh từ đâu; biết đúng như thật giới bất thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn; do tuệ mà quán sát biết đúng như thật. Hiền thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ giới bất thiện. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật giới thiện; biết đúng như thật giới thiện phát sanh từ đâu; biết đúng như thật giới thiện này đã bi diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn; do tuệ mà quán sát biết đúng như thật. Hiền thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ giới thiện. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật niệm bất thiện; biết đúng như thật niệm bất thiện phát sanh từ đâu; biết đúng như thật niệm bất thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn; do tuệ mà quán sát biết đúng như thật. Hiền thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ niệm bất thiện. Do tuệ mà quán sát biết đúng như thật niệm thiện; biết đúng như thật niệm thiện phát sanh từ đâu; biết đúng như thật niệm thiện này đã bị diệt trừ không còn dư tàn, bị bại hoại không còn dư tàn; do tuệ mà quán sát biết đúng như thật. Hiền thánh đệ tử tu hành như vậy là diệt trừ niệm thiện. Vì sao vậy? Vì nhân chánh kiến nên sanh chánh chí, nhân chánh chí nên sanh chánh ngữ, nhân chánh ngữ nên sanh chánh nghiệp, nhân chánh nghiệp nên sanh chánh mạng, nhân chánh mạng nên sanh chánh phương tiện, nhân chánh phương tiện nên sanh chánh niệm, nhân chánh niệm nên sanh chánh định. Hiền thánh đệ tử đã định tâm như vậy rồi, liền giải thoát tất cả dâm, nộ, si. Này Vật Chủ, Hiền thánh đệ tử đã chánh tâm giải thoát như vậy rồi, liền biết đúng như thật rằng: "Sịt sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Đó gọi là học kiến đạo

179. KINH NGŨ CHI VẬT CHỦ 1031

thành tựu tám chi và A-la-hán lậu tận đã thành tựu mười chi. Này Vật Chủ, thế nào gọi là học kiến đạo thành tựu tám chi? Đó là học chánh kiến cho đến chánh đinh; như vậy gọi là học kiến đạo thành tựu tám chi. Thế nào gọi là A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi? Đó là vô học chánh kiến cho đến vô học chánh trí; như vậy gọi là A-la-hán lậu tận thành tựu mười chi. Này Vật Chủ, nếu người nào có mười chi, Ta chủ trương răng người áy thành tựu thiện, đệ nhát thiện, là bậc Vô Thượng Si, chứng đắc đệ nhất nghĩa, là Sa-môn chất trực. Đức Phật thuyết như vậy, Ngũ Chi Vật Chủ và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

180. KINH CÙ-ĐÀM-DI Tôi nghe như vây: Một thời, đức Phật du hóa tại Thích-ki-sấu, ở tại Ca-duy-la-vệ, trong vườn Ni-câu-loại. Bấy giờ, Ma-ha Ba-xà-ba-đề Cù-đàm-di đem

một chiếc y mới sắc vàng, dệt bằng kim tuyến đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ sát chân Phật, ngồi xuống một bên rồi thưa rằng: Bạch Thế Tôn, chiếc y mới sắc vàng, dệt bằng kim tuyến này, tôi tự cắt may cho Thế Tôn, mong Thế Tôn thương xót tôi mà thâu nạp cho! Đức The Ton noi: Này Cù-đàm-di? hãy đem y này dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo. Dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo tức là đã cúng dường Ta, cũng như đã cúng dường đại chúng. Lần thứ hai, rồi lần thứ ba, Đại Sanh chủ Cù-đàm-di vẫn thưa: Bạch Thế Tôn, chiếc y mới sắc vàng, dệt bằng kim tuyến này, tôi tự cắt may cho Thế Tôn, mong Thế Tôn thương xót tôi mà thâu nạp cho! Lần thứ hai, rồi lần thứ ba, đức Thế Tôn cũng vẫn nói: Này Cù-đàm-di, hãy đem y này dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo. Dâng cúng cho chúng Tỳ-kheo tức là đã cúng dường Ta, cũng như đã cúng dường đại chúng. Bấy giờ, Tôn giả A-nan đứng phía sau đức Thế Tôn, cầm quạt hầu Phật, liền thưa: Bạch Thế Tôn, Đại Sanh chủ Cù-đàm-di đã đem lại cho Thế Tôn nhiều lợi ích, đã bảo dưỡng Thế Tôn sau khi thân mẫu Thế Tôn qua đời. _ f …

Đức The Ton noi: Này A-nan, thật sự như vậy. Này A-nan, thật sự như vậy. Đại Sanh chủ Cù-đàm-di đã đem lại cho Ta nhiều lợi ích, đã bảo dưỡng Ta sau khi thân mẫu Ta qua đời. Nhirng này A-nan, Ta cũng đem lại cho Đại Sanh chủ Cù-đàm-di nhiều lợi ích. Vì sao vậy? Đại Sanh chủ Cù-đàm-di nhờ Ta mà được quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo; không nghi ngờ Ba ngôi Tôn quý và khổ, tập, diệt, đạo; thành tựu tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ; xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát, không cho mà lấy, tà dâm, nói dối, xa lìa nghiệp uống rượu, đoạn

trừ nghiệp uống rượu. Này A-nan, nếu có người nhờ người khác mà được quy y Phật, Pháp và chúng Tỳ-kheo; không nghi ngờ Ba ngôi Tôn quý và khổ, tập, diệt, đạo; thành tựu tín, giới, đa văn, bố thí, trí tuệ; xa lìa nghiệp sát, đoạn trừ nghiệp sát, không cho mà lây, tà dâm, nói dôi, xa lìa nghiệp uông rượu, đoạn trừ nghiệp uống rượu; thì người này cúng dường lại người kia, cho đến suốt đời, nào là uông ăn, áo chăn, giường chõng, thuốc thang và đủ các thứ vật dụng cho đời sông, chăng lẽ lại không được đên ơn? Lại nữa, này A-nan, có bảy loại bố thí cho Tăng chúng và có mười bốn loại bố thí riêng cho từng người sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo. Này A-nan? thế nào gọi là bảy loại bố thí cho Tăng chúng sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo? Thiện nam tử hay thiện nữ nhân, khi Phật còn tại thế, Phật là vị cầm đầu, mà bố thí cho Phật và chúng Tỳ-kheo; như vậy gọi là loại bố thí thứ nhất cho Tăng chúng sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công dức, được đại quảng báo. Thiện nam tử, thiện nữ nhan, sau khi Thế Tôn nhập Niết-bàn không lâu, bố thí cho cả hai bộ chúng là bố thí cho chúng Tỳ-kheo, bố thí cho chúng Tỳ-kheo-ni; đi vào tinh xá Tỳ-kheo và bạch với chúng răng: “Mong trong chúng ở đây cử ra một số Tỳ-kheo để chúng con được bố thí!" đi vào tinh xá Tỳ-kheo-ni và bạch với chúng răng: "Mong trong chúng ở đây cử ra một sô Tỳ-kheo-ni đê chúng con được bố thí!" Như vậy gọi là loại bố thí thứ năm cho Tăng chúng, sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo. Này A-nan, trong tương lai, có Tỳ-kheo thuộc loại danh tánh, khoác áo cà-sa mà không tinh tấn. Vị ấy đã không tinh tấn, không

tinh cần mà vẫn được bố thí vì nương nơi chúng, duyên nơi chúng, ở trên chúng, nhân nơi chúng. Ta nói, lúc bấy giờ, thí chủ sẽ được phước vô lượng, không thê đêm, không thê kê, được thiện, được lạc; huông nữa là bô thí cho các Tỳ-kheo hiện nay là những vi thành tựu hành sự, thành tựu trừ sự, thành tựu cả hành sự và trừ sự, thành tựu chất trực, thành tựu nhu nhuyễn, thành tựu cả chát trực và nhu nhuyễn, thành tựu nhân, thành tựu lạc, thành tựu cả nhẫn và lạc, thành tựu tương ưng, thành tựu kinh kỹ, thành tựu cả tương ưng và kinh ky, thành tựu oai nghi, thành tựu hành lai du, thành tựu cả oai nghi và hành lai du, thành tựu tín, thành tựu giới, thành tựu đa văn, thành tựu thí, thành tựu tuệ, thành tựu tín, giới, đa văn, thí, tuệ ư? Như vậy gọi là loại bố thí thứ bảy cho Tăng chúng, được đại phước, được đại quả, được đại công dức, được đại quảng báo. Đó gọi là bảy loại bố thí cho Tăng chúng được đại phước, được đại quả, được đại công dức, được đại quảng báo. Này A-nan, thế nào gọi là mười bốn loại bố thí riêng cho từng người sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công đức, được đại quảng báo? Là thiện nam tử hay thiện nữ nhơn bố thí cho đức Như Lai, bố thí cho Duyên giác, bố thí cho A-la-hán, bố thí cho A-la-hán hướng, bố thí cho A-na-hàm, bố thí

cho A-na-hàm hướng, bố thí cho Tư-đà-hàm, bố thí cho Tư-đà-hàm hướng, bố thí cho Tu-đà-hoàn, bố thí cho Tu-đà-hoàn hướng, bố thí cho tiên nhơn, ngoại đạo ly dục, bô thí cho người tinh tân, bô thí cho người không tinh tân, bô thí cho súc sanh. r y Z

Này A-nan, bô thí cho súc sanh được phước trăm lân hơn; bô thí cho người không tinh tấn được phước ngàn lần hơn; bố thí cho người tinh tấn được phước trăm ngàn lần hơn; bố thí cho tiên nhơn, ngoại đạo ly dục được phước ức trăm ngàn lần hơn; bố thí cho vị Tu-đà-hoàn hướng được phước vô lượng; bố thí cho vị đắc Tu-đà-hoàn được phước vô lượng; bo thí cho vị Tư-đà-hàm hướng được phước vô lượng; bô thí cho vị đác Tư-đà-hàm được phước vô lượng; bô thí cho vi A-na-hàm hướng được phước vô lượng; bố thí cho vị đắc A-na-hàm được phước vô lượng; bố thí cho vị A-la-hán hướng được phước vô lượng; bố thí cho vị đác A-la-hán được phước vô lượng; huông nữa là bô thí cho đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ư? Đây là mười bốn loại bố thí riêng cho từng người sẽ được đại phước, được đại quả, được đại công dức, được đại quảng báo. Lại nữa, này A-nan, có bốn loại bố thí và chỉ ba loại được thanh tịnh. Những gì là bốn? Có loại bố thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận; CÓ loại bô thí do người thọ nhận thanh tinh, không phải do thí chủ; có loại bô thí không phải do thí chủ thanh tinh, cũng không phải do người thọ nhận; có loại bố thí do thí chủ thanh tịnh và người thọ nhận cũng vậy. Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tinh, không phải do người thọ nhận? Là thí chủ thì tinh tan, tu hành Diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo; do thấy như vậy nên nói như vầy: “C6 sự bố thí, có quả báo của sự bố thí"; còn người thọ nhận thì không tinh tấn, hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo; do thấy như vậy nên nói như vầy: "Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí.” Như vậy gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tịnh, không phải do người thọ nhận. Này Anan, thế nào gọi là loại bố thí do người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ? Là thí chủ không tinh tấn, hành ác pháp, không

thấy có đời sau, không thấy có quả báo; do thấy như vậy nên nói như vầy: "Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí"; còn người thọ nhận thì tinh tấn, tu hành Diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo; do thấy như vậy nên nói như vầy: "C6 sự bố thí, có quả báo của sự bố thí." Như vậy gọi là loại bố thí đo người thọ nhận thanh tịnh, không phải do thí chủ. Này A-nan5 thế nào gọi là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận? Là thí chủ không tinh tấn, hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo; do thấy như vậy nên nói như vầy: "Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí"; và người thọ nhận cũng không tinh tấn, hành ác pháp, không thấy có đời sau, không thấy có quả báo; do

thấy như vậy nên nói như vầy: "Không có sự bố thí, không có quả báo của sự bố thí." Như vậy gọi là loại bố thí không phải do thí chủ thanh tịnh, cũng không phải do người thọ nhận. Này A-nan, thế nào gọi là loại bố thí do thí chủ thanh tinh và người thọ nhận cũng vậy? Là thí chủ tinh tấn, tu hành Diệu pháp, thấy có đời sau, thấy có quả báo; do thấy như vậy nên nói như vầy: "C6 sự bố thí, có quả báo của sự bố thí"; và người thọ nhận cũng tinh tân, tu hành Diệu pháp, thây có đời sau, thây có quả báo; do thây như vậy nên nói như vây: "C6 sự bô thí, có quả báo của sự bô thí." Như vậy gọi là loại bo thí do thí chủ thanh tinh và người thọ nhận cũng vậy. Lúc bay giơ, đức The Ton noi bai kê: Tinh tấn thí người không tinh tấn, Thí đúng pháp, được tâm hoan hỷ, Vì tin có nghiệp và quả báo Loại thí này, thí chủ thanh tịnh. Không tinh tấn thí người tinh tấn, Không đúng pháp, không tâm hoan hỷ, Vì không tin nghiệp và quả báo, Loại thí này người nhận thanh tịnh. Người giải đãi thí không tinh tấn, Không đúng pháp, không tâm hoan hỷ, Vì không tin nghiệp và quả báo, Loại thí này không được quảng báo. Người tinh tấn thí người tinh tấn, Là đúng pháp, được tâm hoan hỷ, Vì tin có nghiệp và quả báo, Loại thí này đạt được quảng báo. Kẻ nô tỳ và kẻ bần cùng, Hoan hỷ tự mình làm bô thí, Vì tin có nghiệp, có quả báo, Bố thí như vậy, thiện nhơn khen. Khéo léo giữ gìn cả thân miệng, Đưa tay cầu xin đúng Chánh pháp, Người ly dục thí người ly dục, Đó chính là tài thí đệ nhất. Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

181. KINH ĐA GIỚI Tôi nghe như vầy: Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng lâm, vườn cấp Cô Độc. Bấy giờ, Tôn giả A-nan một mình trong tịnh thất, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ này: “Những ai có sợ hãi, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ phải không từ trí tuệ. Những ai vấp ngã, tai họa, ưu não, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tũệy Rồi Tôn giả A-nan vào lúc xế trưa, từ tĩnh tọa dậy, đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật roi đứng sang một bên và bạch: Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình trong tịnh thất, tĩnh tọa tư duy, tâm khởi lên ý nghĩ này: "Những ai có sợ hãi, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Những ai vấp ngã, tai họa, ưu não, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tue." Đức The Ton noi: Thật vậy A-nan, thật vậy A-nan. Những ai có sợ hãi, tất cả những người ây đêu từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Những ai váp ngã, tai họa, ưu não, tất cả những người ấy đều từ ngu si

mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Này A-nan, cũng như lửa dậy từ bụi lau, bụi cỏ, cháy luôn cả lâu gác, cung điện, nhà cửa. Này A-nan, cũng vậy, những ai có sợ hãi, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Những ai vấp ngã, tai họa, iru não, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Này A-nan, trong quá khứ, nêu những ai có sợ hãi, tát cả những người ây đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Nếu những ai vấp ngã, tai họa, ưu não, tát cả những người ây đêu từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Này A-nan, trong thời vi lai, nếu những ai có sợ hãi, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Nếu những ai vấp ngã, tai họa, ưu não, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Này A-nan? trong thời hiện tại, những ai có sợ hãi, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Những ai vấp ngã, tai họa, ưu não, tất cả những người ấy đều từ ngu si mà sanh, chứ không phải từ trí tuệ. Này A-nan, nghĩa là, ngu si có sợ hãi; trí tuệ không sợ hãi; ngu si có vấp ngã, tai họa, ưu não; trí tuệ không có vấp ngã, tai họa, ưu não.

1038 < KINH TRUNG A-HÀM

Này A-nan, những ai có sợ hãi, vấp ngã, tai họa, ưu não, tất cả những người ấy có thể tìm thấy nơi ngu si, chứ không phải nơi trí tuệ. LÚC bây giờ, Tôn giả A-nan buôn râu, khóc lóc, nước mát chảy, chăp tay hướng vê đức Phật và bạch: Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo ngu si, không phải trí tuệ?

The Ton đáp: Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo nào không biết giới, không biết xứ, không biết nhân duyên, không biết thị xứ, phi xứ. Này A-nan, Tỳ"kheo như vậy là ngu si, không phải trí tuệ. Tôn giả A-nan bạch: Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo như vậy là ngu si, không phải là trí tuệ. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo trí tuệ, không phải ngu si? The Ton đáp: Này A-nan, Tỳ-kheo biết giói, biết xứ, biết nhân duyên, biết thị xứ phi xứ. A-nan, Tỳ-kheo như vậy là trí tuệ, không phải ngu si. Tôn giả A-nan bạch: Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo như vậy là trí tuệ, không phải ngu si. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết giới? The Ton đáp: -Này A-nan, Tỳ-kheo thấy và biết như thật về mười tám giới như nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới, tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới, thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới, thân giới, xúc giới, thân thức giới, ý giới, pháp giới, ý thức giới. A-nan, thây và biêt mười tám giới này một cách như thật. Lại nữa, này A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới như địa giới, thủy giới, : e r er hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. A-nan, thây và biêt sáu giới này một cách như thật. Này A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới như dục giới, nhuế giới, hại giới, vô dục giới, vô nhuế giới, vô hại giới. Này A-nan, thấy và biết sáu giới này một cách như thật. Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về sáu giới như lạc giới, khổ giới, hỷ giới, ưu giới, xả giới, vô minh giới. Này A-nan, thấy và biết sáu giới này một cách như thật. Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về bốn giới như thọ giới, tưởng giới, hành giới, thức giới. Này A-nan, thây và biêt bôn giới này một cách như thật. Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới như dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Này A-nan, thấy và biết ba giới này một cách như thật.

181. KINH ĐA GIỚI 1039

Lại nữa, A-ĩian, thấy và biết như thật về ba giới như sắc giới, vô sắc giới, diệt giới. Này A-nan, thấy và biết ba giới này một cách như thật. Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới như quá khứ giới, vi lai giới, r r hiện tại giới. Này A-nan, thây và biêt ba giới này một cách như thật. Lại nữa, A-nan, thây và biêt như thật vê ba giới như diệu giới, bát diệu giới, tning giới. Này A-nan, thấy và biết ba giới này một cách như thật. Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới như thiện giới, bất thiện giới, vô ký giới. Này A-nan, thây và biêt vê ba giới này một cách như thật. Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về ba giới như học giới, vô học giới, phi học vô học giới. Này A-nan, thay và biết ba giới này một cách như thật. Lại nữa, A-nan, thấy và biết như thật về hai giới như hữu lậu giới, vô lậu giới. Này A-nan5 thấy và biết hai giới này một cách như thật. Lại nữa, A-nan, thây và biêt như thật vê hai giới như hữu vi giói, vô vi giới. Này A-nan, thay và biết hai giới này một cách như thật. Này A-nan, thây và biêt như thật vê sáu mươi hai giới này. Này A-nan, Tỳ- kheo biết giới như vậy. Tôn giả A-nan bạch: Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo biết giới như vậy. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết xứ? The Ton đáp: -Nếu Tỳ-kheo nào thấy và biết như thật về mười hai xứ như nhãn xứ, sắc xứ, nhĩ xứ, thanh xứ, tỷ xứ, hương xứ, thiệt xứ, vị xứ, thân xứ, xúc xứ, ý xứ, pháp xứ. A-nan, thấy và biết như thật về mười hai xứ này. Này A-nan, Tỳ-kheo biết xứ như vậy. Tôn giả A-nan bạch: Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo biết xứ như vậy. Nhimg bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết nhân duyên? The Ton đáp: Nếu Tỳ-kheo nào thấy và biết như thật về nhân duyên và pháp sanh khởi từ nhân duyên rằng: "Do cái này có nên cái kia có; cái này không nên cái kia không; cái này sanh nên cái kia sanh; cái này diệt nên cái kia diet." Tức là duyên vô minh có hành, cho đên duyên sanh có già chét. Nêu vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sanh diệt thì già, chết diệt. Này A-nan, Ty-kheo biết nhân duyên như vậy. Tôn giả A-nan bạch: Bạch Thế Tôn, Tỳ-kheo biết nhân duyên như vậy. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo biết thị xứ, phi xứ?

rr^-|_ Á A A- L The Ton đáp: Tỳ-kheo thấy và biết như thật về xứ là xứ, phi xứ là phi xứ. Này A-nan, nếu trong đời có hai vị Chuyển Luân Vương cung cai tri, trường hợp này hoàn toàn không có. Nấu trong đời có một Chuyển Luân Vương cai trị, trường hợp này tất có. Này A-nan, nêu trong đời có hai đức Như Lai, trường hợp này hoàn toàn không có. Nêu trong đời này có một đức Như Lai, trường hợp này tất có. Này A-nan, nếu một người đã thấy đế lý mà còn cố ý sát hại cha mẹ, giết A-la- hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật, làm Như Lai đổ máu; trường hợp này hoàn toàn không có. Nêu một người phàm phu cô ý hại cha mẹ, giêt A-la-hán, phá hoại Thánh chúng, ác tâm với Phật, làm Như Lai đổ máu; trường hợp này tất có xảy ra. Anan, nếu một người đã thấy đế lý mà cố tình phạm giới, xả giới, bỏ đạo; trường hợp này hoàn toàn không có. Nêu một người phàm phu cố ý phạm giới, xả giới, bỏ đạo; trường hợp này tất có. Nếu một người đã thấy đế lý mà xả ly nội đạo này, tôn thờ ngoại dạo, mong cầu phước điền ở đó; trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu một người phàm phu xả ly nội đạo này, tôn thờ ngoại đạo, mong cầu phước điền ở đó; trường hợp này tất có. Này A-nan, nếu một ngườd đã thấy đế lý mà theo các Sa-môn, Phạm chí khác, nói như vầy: "Các ngài thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biếf9; trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ngườd

phàm phu theo các Sa-môn9 Phạm chí khác, nói rằng: uCác ngai thấy điều đáng thấy, biết điều đáng biết"; trường hợp này tất có. Này A-nan, nếu người đã thấy đế lý mà còn tin bói toán, hỏi cát hung; trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu nẹười phàm phu tin bói toán, hỏi cát hung; trường hợp này tất có. Này A-nan, nêu người đã thây đê lý mà theo các Sa-môn, Phạm chí khác mà bói toán, hỏi cát hung, thấy có kho, có phiền não, không chân thật; trường hợp này hoàn toàn không có. Nêu người phàm phu theo các Sa-môn, Phạm chí khác mà bói toán, hỏi cát hung, thấy có khổ, có phiền não, không chân thật; trường hợp này tất có. A-nan, nêu người đã thây đê lý mà phát sanh sự cực khô, hét sức khô, không thê ái, không thể lạc, không thể tư, không thể niệm, cho đến đoạn mạng, bèn xả ly nội đạo này, cầu cứu ở nẸoại đạo; hoặc có Sa-môn? Phạm chí trì chú một câu, hai câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm ngàn câu, “Mong ệiải trừ sự khổ đau cho t6i"; đó là đi tìm sự khổ, tập khởi sự khổ, dẫn đến sự kho, mà nói là dứt khổ; trường hợp này hoàn toàn không có. Nấu một người phàm phu xả ly nội đạo này mà cầu cứu ngoại đạo; hoặc có Sa-môn, Phạm chí trì chú một câu, hai câu, ba câu, bốn câu, nhiều câu, trăm ngàn câu, "Mong giải trừ sự khổ đau cho t6i"; đó là đi tìm sự khô, tập khởi sự khô, dân đên sự khô, mà nói là dứt khô; trường hợp này tát có. A-nan, nếu người đã thấy đế lý mà tái sanh lần thứ tám, trường hợp này hoàn toàn không có. Nêu một người phàm phu tái sanh lân thứ tám, trường hợp này tất có. Này A-nan, nêu ai có thân ác hành, khâu và ý ác hành, do duyên này, thân hoại mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời; trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành, do duyên này, thân hoại

mạng chung đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục; trường hợp này tất có. A-nan, nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, do duyên này, thân hoại mạng chung đi đến ác xứ, sanh vào địa ngục; trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành, do duyên này, thân hoại mạng chung đi đến thiện xứ, sanh lên cõi trời; trường hợp này tất có. A-nan, nếu ai có thân ác hành, khau và ý ác hành mà thọ lạc báo; trường hợp này hoàn toàn không có. Nêu ai có thân ác hành, khẩu và ý ác hành mà thọ kho báo; trường hợp này tất có. A-nan, nếu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành mà thọ khổ báo; trường hợp này hoàn toàn không có. Nêu ai có thân diệu hành, khẩu và ý diệu hành mà thọ lạc báo; trường hợp này tất có. Này A-nan, nêu ai không đoạn trừ năm triên cái, những thứ làm tâm ô uê, tuệ yếu kém, mà tâm có thể an trú vững vàng trên bôn niệm xứ; trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triên cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, mà tâm an trú vững vàng trên bốn niệm xứ; trường hợp này tất có. A-nan, nêu ai không đoạn trừ năm triên cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm không an trú vững vàng trên bốn niệm xứ mà muốn tu bảy giác chi; trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triên cái, những thứ làm tâm ô uê, tuệ yếu kém, tâm an tru vững vàng trên bốn niệm xứ mà tu bảy giác chi; trường hợp này tất có. A-nan, nếu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm không an trú vững vàng trên bốn niệm xứ, không tu bảy giác chi mà muốn chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác; trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ

yếu kém, an tru vững vàng trên bốn niệm xứ, tu bảy giác chi, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác; trường hợp này tất có. A-nan? nêu ai không đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uế, tuệ yếu kém, tâm không an trú vững vàng trên bốn niệm xứ, khônẹ tu bảy giác chi, không chứng đắc Vô thượng Chánh đang giác mà đoạn tận kho biên; trường hợp này hoàn toàn không có. Nếu ai đoạn trừ năm triền cái, những thứ làm tâm ô uê, tuệ yếu kém, an trú vững vàng trên bốn niệm xứ, tu bảy giác chi, chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng giác, đoạn tận khổ biên; trường hợp này tất có. Này A-nan, như vậy là Tỳ-kheo biêt thị xứ, phi xứ! Tôn giả A-nan bạch: Bạch Thế Tôn, như vậy là Tỳ-kheo biết thị xứ, phi xứ! Lúc bấy giờ, Tôn giả A-nan chắp tay bạch Phật: Bạch Thế Tôn, kinh này tên gọi là gì? Nên phụng trì như thế nào? The Ton đáp: -Này A-nan, hãy thọ trì pháp này, là đa giới, pháp giới, cam lộ giới, đa cổ, pháp cổ, cam lộ cổ, là pháp kính, là tứ phẩm. Do đó, kinh này được gọi là

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Ty-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.